SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2020-2021
ĐIỂM THI TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
1	Toán	0001	14/10/05	8.5	10	10	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
2	Toán	0002	05/01/05	8	7.25	8	2.5	**30.75**	THPT Phan Châu Trinh	
3	Toán	0003	06/03/05	7.5	7.25	7.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
4	Toán	0004	07/01/05	8	9	8	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
5	Toán	0005	05/02/05	8.25	10	9.25	4.75	**41.75**	THPT Phan Châu Trinh	
6	Toán	0006	20/09/05	8.25	9.75	9.25	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
7	Toán	0007	06/12/05	9	9.5	9.5	5.5	**44.5**	THPT Phan Châu Trinh	
8	Toán	0008	13/08/05	7.25	9.75	8.5	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
9	Toán	0009	09/01/05	6.75	8.75	10	3	**34.5**	THPT Phan Châu Trinh	
10	Toán	0010	17/07/05	6.5	7	8.5	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
11	Toán	0011	11/01/05	7	8.75	7	2.5	**30.25**	THPT Phan Châu Trinh	
12	Toán	0012	13/04/05	7.75	8	10	5	**40.75**	THPT Phan Châu Trinh	
13	Toán	0013	01/07/05	5.75	4.25	7.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
14	Toán	0014	17/04/05	8	10	9.75	3.25	**37.5**	THPT Phan Châu Trinh	
15	Toán	0015	21/09/05	8	9	9	3.25	**35.75**	THPT Phan Châu Trinh	
16	Toán	0016	22/01/05	7.5	9.5	8.5	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
17	Toán	0017	18/09/05	8	9.5	9.75	2.5	**34.75**	THPT Phan Châu Trinh	
18	Toán	0018	12/04/05	6.5	9.75	10	3.5	**36.75**	THPT Phan Châu Trinh	
19	Toán	0019	25/11/05	7.25	8	8.75	3.5	**34.5**	THPT Phan Châu Trinh	
20	Toán	0020	13/08/05	5	9.75	9.5	5	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
21	Toán	0021	14/09/05	8	9.5	9.25	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
22	Toán	0022	01/02/05	7.5	8.5	10	3.75	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
23	Toán	0023	08/04/05	8	9.5	10	3	**36.5**	THPT Phan Châu Trinh	
24	Toán	0024	12/12/05	8	10	10	5	**43**	THPT Phan Châu Trinh	
25	Toán	0025	16/07/05	7.75	10	10	5.75	**45**	THPT Phan Châu Trinh	
26	Toán	0026	18/04/05	8.25	10	10	7.5	**50.75**	THPT Phan Châu Trinh	
27	Toán	0027	10/05/05	8	9.5	8.75	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
28	Toán	0028	17/02/05	6.5	9.5	9.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
29	Toán	0029	13/08/05	7.5	9.25	9.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
30	Toán	0030	05/07/05	7	9.25	10	3	**35.25**	THPT Phan Châu Trinh	
31	Toán	0031	28/08/05	7.75	10	9	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
32	Toán	0032	20/06/05	7.5	10	10	3.5	**38**	THPT Phan Châu Trinh	
33	Toán	0033	12/10/05	7.75	10	10	3.75	**39**	THPT Phan Châu Trinh	
34	Toán	0034	01/02/05	8.5	9.75	9.5	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
35	Toán	0035	19/09/05	7	8.75	9.5	4.75	**39.5**	THPT Phan Châu Trinh	
36	Toán	0036	01/01/05	8.5	8.75	7.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
37	Toán	0037	02/01/05	7.5	6.75	9.75	5	**39**	THPT Phan Châu Trinh	
38	Toán	0038	31/05/05	6.5	8.75	8.5	3	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
39	Toán	0039	21/05/05	8.5	8.75	9.5	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
40	Toán	0040	14/11/05	6.75	9.75	10	6.25	**45.25**	THPT Phan Châu Trinh	
41	Toán	0041	10/03/05	8	9.75	8.75	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
42	Toán	0042	20/04/05	8	9.5	10	5.75	**44.75**	THPT Phan Châu Trinh	
43	Toán	0043	28/04/05	7	8.25	8.25	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
44	Toán	0044	02/08/05	7.25	8.75	9.75	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
45	Toán	0045	16/07/05	7	9.25	9	2.5	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
46	Toán	0046	23/02/05	7	10	8.75	2.25	**32.5**	THPT Phan Châu Trinh	
47	Toán	0047	15/11/05	7.75	6.75	9	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
48	Toán	0048	01/07/05	7.5	9	8.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
49	Toán	0049	17/09/05	9	7.25	10	4	**38.25**	THPT Phan Châu Trinh	
50	Toán	0050	22/09/05	7.75	7.5	9	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
51	Toán	0051	17/05/05	7.75	8.75	9	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
52	Toán	0052	07/12/05	7.5	9.25	10	2.25	**33.5**	THPT Phan Châu Trinh	
53	Toán	0053	13/10/05	7.75	9.5	9.5	3.75	**38**	THPT Phan Châu Trinh	
54	Toán	0054	26/12/05	8	9.5	10	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
55	Toán	0055	12/01/05	7.25	9.75	10	4.5	**40.5**	THPT Phan Châu Trinh	
56	Toán	0056	23/05/05	8.5	10	9.75	3.25	**38**	THPT Phan Châu Trinh	
57	Toán	0057	28/02/05	8	9.5	9.5	2.75	**35.25**	THPT Phan Châu Trinh	
58	Toán	0058	03/10/05	5.5	6.5	9.75	3.75	**33**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
59	Toán	0059	03/09/05	8	9.5	9.5	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
60	Toán	0060	23/01/05	7.5	9.75	8.75	5.5	**42.5**	THPT Phan Châu Trinh	
61	Toán	0061	04/11/05	7.25	8.75	8.75	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
62	Toán	0062	23/06/05	6.25	8.5	9.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
63	Toán	0063	14/02/05	6.25	8.25	10	2.75	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
64	Toán	0064	04/07/05	8	9.75	9.5	4	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
65	Toán	0065	18/02/05	6.25	8.5	10	6	**42.75**	THPT Phan Châu Trinh	
66	Toán	0066	09/05/05	7.5	10	10	5.25	**43.25**	THPT Phan Châu Trinh	
67	Toán	0067	15/05/05	7.5	9.25	10	2.25	**33.5**	THPT Phan Châu Trinh	
68	Toán	0068	15/08/05	3.25	8.75	9	2.75	**29.25**	THPT Phan Châu Trinh	
69	Toán	0069	14/10/05	7	8.75	10	4.25	**38.5**	THPT Phan Châu Trinh	
70	Toán	0070	02/02/05	8.25	10	9	2.5	**34.75**	THPT Phan Châu Trinh	
71	Toán	0071	02/10/05	7	9.5	6.75	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
72	Toán	0072	24/03/05	6	7.5	8.75	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
73	Toán	0073	21/04/05	7.75	9.25	9.5	4.75	**40.75**	THPT Phan Châu Trinh	
74	Toán	0074	18/07/05	7	8.25	8.75	2.25	**30.75**	THPT Phan Châu Trinh	
75	Toán	0075	01/09/05	8	8.25	10	4.25	**39**	THPT Phan Châu Trinh	
76	Toán	0076	01/06/05	7	9	10	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
77	Toán	0077	08/08/05	7.75	9.25	8.75	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
78	Toán	0078	14/07/05	5.5	9.5	10	4.5	**38.5**	THPT Phan Châu Trinh	
79	Toán	0079	02/05/05	6	8.5	9.5	2.25	**30.75**	THPT Phan Châu Trinh	
80	Toán	0080	30/07/05	7.5	10	6	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
81	Toán	0081	28/09/05	9	8.75	9	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
82	Toán	0082	17/04/05	6.5	9.25	10	5.25	**41.5**	THPT Phan Châu Trinh	
83	Toán	0083	17/01/05	9	9.25	9.75	2.5	**35.5**	THPT Phan Châu Trinh	
84	Toán	0084	13/01/05	7.5	8.75	10	4.25	**39**	THPT Phan Châu Trinh	
85	Toán	0085	04/03/05	7	9.5	9.5	2.5	**33.5**	THPT Phan Châu Trinh	
86	Toán	0086	26/11/05	8	9	8.25	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
87	Toán	0087	28/02/05	7	8	7.25	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
88	Toán	0088	15/03/05	6.25	7	7.25	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
89	Toán	0089	17/01/05	8.5	9.75	9.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
90	Toán	0090	14/01/05	7.25	8.75	10	3.75	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
91	Toán	0091	20/12/05	7.25	7.5	10	3	**33.75**	THPT Phan Châu Trinh	
92	Toán	0092	28/10/05	7.75	10	8.5	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
93	Toán	0093	06/02/05	8	10	9.5	4.5	**41**	THPT Phan Châu Trinh	
94	Toán	0094	29/10/05	8	9	10	4.75	**41.25**	THPT Phan Châu Trinh	
95	Toán	0095	30/10/05	6.5	8.75	8	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
96	Toán	0096	06/08/05	6	10	8.25	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
97	Toán	0097	20/06/05	7.25	9.25	8.75	2.25	**32**	THPT Phan Châu Trinh	
98	Toán	0098	09/01/05	8	9.25	10	4.75	**41.5**	THPT Phan Châu Trinh	
99	Toán	0099	05/09/05	7.75	9	7	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
100	Toán	0100	02/01/05	7.5	7	8.5	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
101	Toán	0101	25/03/05	8.5	9.75	9.75	2.75	**36.25**	THPT Phan Châu Trinh	
102	Toán	0102	28/04/05	7.25	9	10	3.25	**36**	THPT Phan Châu Trinh	
103	Toán	0103	17/10/05	6.75	9.5	10	4	**38.25**	THPT Phan Châu Trinh	
104	Toán	0104	28/06/05	7.25	8.25	7.75	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
105	Toán	0105	28/08/05	7.5	10	10	6.75	**47.75**	THPT Phan Châu Trinh	
106	Toán	0106	21/08/05	7	8.75	8.5	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
107	Toán	0107	09/10/05	8	9.5	9	2.5	**34**	THPT Phan Châu Trinh	
108	Toán	0108	21/07/05	7.75	9.5	9.5	6.5	**46.25**	THPT Phan Châu Trinh	
109	Toán	0109	30/07/05	6.25	9.75	9.75	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
110	Toán	0110	14/09/05	8.5	9.75	8	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
111	Toán	0111	24/04/05	7.5	9	9.5	2.5	**33.5**	THPT Phan Châu Trinh	
112	Toán	0112	06/09/05	6.75	9.5	9.5	2.25	**32.5**	THPT Phan Châu Trinh	
113	Toán	0113	11/06/05	7.5	8.75	10	5	**41.25**	THPT Phan Châu Trinh	
114	Toán	0114	07/08/05	7	9.75	10	3.5	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
115	Toán	0115	07/11/05	7.5	8	9.5	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
116	Toán	0116	07/02/05	8.5	9.25	9	3	**35.75**	THPT Phan Châu Trinh	
117	Toán	0117	28/09/05	8.5	9.5	10	5.5	**44.5**	THPT Phan Châu Trinh	
118	Toán	0118	14/01/05	8	9.75	8.75	4.25	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
119	Toán	0119	09/02/05	8.75	9.5	9.25	4.25	**40.25**	THPT Phan Châu Trinh	
120	Toán	0120	31/05/05	8.25	9.5	9.5	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
121	Toán	0121	25/02/05	7	6.75	8	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
122	Toán	0122	22/01/05	6	10	9.5	3.5	**36**	THPT Phan Châu Trinh	
123	Toán	0123	08/06/05	7.5	10	9	3.5	**37**	THPT Phan Châu Trinh	
124	Toán	0124	01/05/05	7	9.5	8	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
125	Toán	0125	07/11/05	7	9.75	9.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
126	Toán	0126	17/07/05	7.5	9.75	8.5	3	**34.75**	THPT Phan Châu Trinh	
127	Toán	0127	20/10/05	6.25	8.5	9.5	2.75	**32.5**	THPT Phan Châu Trinh	
128	Toán	0128	14/05/05	8	7.75	8.5	'---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
129	Toán	0129	26/01/05	7.5	10	10	5.5	**44**	THPT Phan Châu Trinh	
130	Toán	0130	27/09/05	6.5	7.25	9.25	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
131	Toán	0131	13/02/05	6	8.75	8.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
132	Toán	0132	24/08/05	7.5	10	9	4.75	**40.75**	THPT Phan Châu Trinh	
133	Toán	0133	06/09/05	8.25	9.25	9	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
134	Toán	0134	04/01/05	6.75	8.5	9.75	4.75	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
135	Toán	0135	27/05/05	6.25	8.25	10	3.75	**35.75**	THPT Phan Châu Trinh	
136	Toán	0136	19/11/05	7.25	9	9.25	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
137	Toán	0137	08/01/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
138	Toán	0138	11/12/05	8.5	10	9.5	3.25	**37.75**	THPT Phan Châu Trinh	
139	Toán	0139	11/11/05	8	10	10	3.75	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
140	Toán	0140	15/03/05	7.5	10	8.5	4	**38**	THPT Phan Châu Trinh	
141	Toán	0141	18/06/05	5.75	7.5	7	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
142	Toán	0142	09/01/05	8	9.5	10	3.25	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
143	Toán	0143	01/04/05	6.75	7	9	3.75	**34**	THPT Phan Châu Trinh	
144	Toán	0144	06/11/05	7.75	9.25	9	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
145	Toán	0145	09/02/05	7.75	10	9.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
146	Toán	0146	21/01/05	6.25	8.25	9	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
147	Toán	0147	23/02/05	7.5	8.5	9.75	3.25	**35.5**	THPT Phan Châu Trinh	
148	Toán	0148	01/09/05	8.25	9.5	9.5	4	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
149	Toán	0149	09/09/05	7.75	9.5	9.25	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
150	Toán	0150	22/08/05	7.75	8.75	9	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
151	Toán	0151	18/04/05	7.5	9	10	4	**38.5**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
152	Toán	0152	15/07/05	8.25	9.75	10	3	**37**	THPT Phan Châu Trinh	
153	Toán	0153	13/02/05	8.25	10	10	6.5	**47.75**	THPT Phan Châu Trinh	
154	Toán	0154	31/10/05	7	8.5	9.5	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
155	Toán	0155	13/02/05	8	9	9	2.25	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
156	Toán	0156	07/01/05	8.5	8.5	6.75	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
157	Toán	0157	02/02/05	7.5	9	10	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
158	Toán	0158	02/03/05	8	9.5	9.5	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
159	Toán	0159	16/04/05	7.75	9.25	9	2.25	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
160	Toán	0160	27/03/05	7.25	5.75	7.5	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
161	Toán	0161	19/05/05	8	10	9.5	3	**36.5**	THPT Phan Châu Trinh	
162	Toán	0162	02/11/05	8.25	9	8	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
163	Toán	0163	14/12/05	4.5	7	7.75	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
164	Toán	0164	21/04/05	8.25	8.5	10	3.25	**36.5**	THPT Phan Châu Trinh	
165	Toán	0165	25/06/05	8.5	9.25	10	4	**39.75**	THPT Phan Châu Trinh	
166	Toán	0166	04/05/05	8.5	9.75	9.25	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
167	Toán	0167	30/09/05	8	9.5	9.75	4.25	**40**	THPT Phan Châu Trinh	
168	Toán	0168	04/10/05	7.25	9	7	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
169	Toán	0169	01/03/05	7	10	9.5	2.25	**33.25**	THPT Phan Châu Trinh	
170	Toán	0170	25/11/05	7	8	8.5	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
171	Toán	0171	24/04/05	7.25	9.5	9.25	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
172	Toán	0172	13/01/05	8.5	10	10	7.25	**50.25**	THPT Phan Châu Trinh	
173	Toán	0173	19/02/05	6.75	6.5	8.75	3.5	**32.5**	THPT Phan Châu Trinh	
174	Toán	0174	09/11/05	5.5	7.75	7	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
175	Toán	0175	28/09/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
176	Toán	0176	14/11/05	6.25	8.5	9.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
177	Toán	0177	03/05/05	8.5	10	9.75	2.75	**36.5**	THPT Phan Châu Trinh	
178	Toán	0178	02/06/05	6.75	8.25	7.5	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
179	Toán	0179	26/07/05	7	7.5	6	0		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
180	Toán	0180	20/01/05	6.5	9.5	8.5	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
181	Toán	0181	02/04/05	8.5	9.75	10	3.25	**38**	THPT Phan Châu Trinh	
182	Toán	0182	01/01/05	8.25	9.75	10	3	**37**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
183	Toán	0183	20/05/05	8	7.25	7.25	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
184	Toán	0184	12/09/05	6.5	8.25	8.75	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
185	Toán	0185	02/01/05	8	9	10	4.5	**40.5**	THPT Phan Châu Trinh	
186	Toán	0186	06/08/05	7.5	9.5	8	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
187	Toán	0187	22/07/05	8	9.75	9.25	2.25	**33.75**	THPT Phan Châu Trinh	
188	Toán	0188	12/08/05	5.5	8.75	8.75	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
189	Toán	0189	27/08/05	8.75	9.75	7.75	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
190	Vật lý	0190	09/12/05	8	9.25	9.25	6.5	**46**	THPT Phan Châu Trinh	
191	Vật lý	0191	18/08/05	7	7.25	7.75	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
192	Vật lý	0192	14/04/05	7	9.5	8.5	6.25	**43.75**	THPT Phan Châu Trinh	
193	Vật lý	0193	30/09/05	7.75	9	8.5	6.25	**44**	THPT Phan Châu Trinh	
194	Vật lý	0194	28/04/05	8	10	10	10	**58**	THPT Phan Châu Trinh	
195	Vật lý	0195	19/06/05	6.5	9	8.75	7.75	**47.5**	THPT Phan Châu Trinh	
196	Vật lý	0196	15/11/05	7.5	6	8	5	**36.5**	THPT Phan Châu Trinh	
197	Vật lý	0197	14/06/05	5.5	9	8	4.63	**36.39**	THPT Phan Châu Trinh	
198	Vật lý	0198	01/01/05	7.5	9.75	9.25	6.5	**46**	THPT Phan Châu Trinh	
199	Vật lý	0199	21/06/05	7	6	7	4.5	**33.5**	THPT Phan Châu Trinh	
200	Vật lý	0200	21/01/05	5.75	8.5	7.75	3	**31**	THPT Phan Châu Trinh	
201	Vật lý	0201	01/12/05	7	9	6.75	2.13	**29.14**	THPT Phan Châu Trinh	
202	Vật lý	0202	27/11/05	8.25	10	9.5	8.63	**53.64**	THPT Phan Châu Trinh	
203	Vật lý	0203	29/06/05	6.75	9.75	9.5	5.88	**43.64**	THPT Phan Châu Trinh	
204	Vật lý	0204	11/01/05	6.25	8.75	7.75	3.38	**32.89**	THPT Phan Châu Trinh	
205	Vật lý	0205	22/07/05	6.5	9.5	9.25	9	**52.25**	THPT Phan Châu Trinh	
206	Vật lý	0206	05/11/05	8	9.5	8.25	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
207	Vật lý	0207	10/03/05	8.75	8.75	9	6.88	**47.14**	THPT Phan Châu Trinh	
208	Vật lý	0208	25/02/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
209	Vật lý	0209	10/01/05	5.25	9.25	6.75	2.63	**29.14**	THPT Phan Châu Trinh	
210	Vật lý	0210	07/12/05	8	8.5	7	6.63	**43.39**	THPT Phan Châu Trinh	
211	Vật lý	0211	28/11/05	7	9	9.25	9	**52.25**	THPT Phan Châu Trinh	
212	Vật lý	0212	23/03/05	7	10	8	4.63	**38.89**	THPT Phan Châu Trinh	
213	Vật lý	0213	16/08/05	6.5	9.5	7.75	4.75	**38**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
214	Vật lý	0214	20/04/05	7.5	9.75	9.5	6.38	**45.89**	THPT Phan Châu Trinh	
215	Vật lý	0215	12/01/05	8	8.25	8.25	8.25	**49.25**	THPT Phan Châu Trinh	
216	Vật lý	0216	14/01/05	7	8	7.75	'---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
217	Vật lý	0217	21/05/05	6	8	8	5.25	**37.75**	THPT Phan Châu Trinh	
218	Vật lý	0218	15/11/05	6.5	8.5	8.75	6.63	**43.64**	THPT Phan Châu Trinh	
219	Vật lý	0219	25/03/05	8	9	8.5	8	**49.5**	THPT Phan Châu Trinh	
220	Vật lý	0220	14/01/05	7.5	10	9	7.88	**50.14**	THPT Phan Châu Trinh	
221	Vật lý	0221	07/04/05	6.5	6	5.75	2.13	**24.64**	THPT Phan Châu Trinh	
222	Vật lý	0222	07/10/05	7.75	9.5	9	2.25	**33**	THPT Phan Châu Trinh	
223	Vật lý	0223	03/10/05	7.25	9.75	10	7.25	**48.75**	THPT Phan Châu Trinh	
224	Vật lý	0224	20/08/05	5.5	4.5	8.5	4.75	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
225	Vật lý	0225	28/02/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
226	Vật lý	0226	04/09/05	8	8.75	7	2.75	**32**	THPT Phan Châu Trinh	
227	Vật lý	0227	18/07/05	7	8.5	8	3.63	**34.39**	THPT Phan Châu Trinh	
228	Vật lý	0228	28/01/05	8.5	8.25	7.75	6.75	**44.75**	THPT Phan Châu Trinh	
229	Vật lý	0229	24/10/05	7	8.25	8	2.38	**30.39**	THPT Phan Châu Trinh	
230	Vật lý	0230	26/04/05	6.75	10	8.5	2.25	**32**	THPT Phan Châu Trinh	
231	Vật lý	0231	01/04/05	8.25	10	8.25	6.63	**46.39**	THPT Phan Châu Trinh	
232	Vật lý	0232	21/09/05	7.5	9.25	7.5	4.88	**38.89**	THPT Phan Châu Trinh	
233	Vật lý	0233	18/02/05	7.5	9.25	7.75	3	**33.5**	THPT Phan Châu Trinh	
234	Vật lý	0234	15/02/05	8	8.75	7.75	2.13	**30.89**	THPT Phan Châu Trinh	
235	Vật lý	0235	10/12/05	7.5	9	6.25	5.25	**38.5**	THPT Phan Châu Trinh	
236	Vật lý	0236	18/06/05	7.5	9	8.5	4.38	**38.14**	THPT Phan Châu Trinh	
237	Vật lý	0237	29/10/05	8	10	7	2.38	**32.14**	THPT Phan Châu Trinh	
238	Vật lý	0238	16/04/05	7.25	9	7.25	5.25	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
239	Vật lý	0239	14/04/05	7	8.5	8.25	4.25	**36.5**	THPT Phan Châu Trinh	
240	Vật lý	0240	18/03/05	8	9.5	8.5	5.88	**43.64**	THPT Phan Châu Trinh	
241	Vật lý	0241	26/06/05	7.5	7.75	5.5	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
242	Vật lý	0242	06/03/05	8	9.5	8	4.25	**38.25**	THPT Phan Châu Trinh	
243	Vật lý	0243	10/11/05	8.5	8.75	8.5	5.25	**41.5**	THPT Phan Châu Trinh	
244	Vật lý	0244	06/05/05	6.75	10	9	7.13	**47.14**	THPT Phan Châu Trinh	
245	Vật lý	0245	27/01/05	8.25	9.25	9.5	5.13	**42.39**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
246	Vật lý	0246	17/04/05	6	9.5	9	3.5	**35**	THPT Phan Châu Trinh	
247	Vật lý	0247	05/10/05	6.5	7.25	6.75	1.38		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
248	Vật lý	0248	26/07/05	6.5	8.75	9	3.13	**33.64**	THPT Phan Châu Trinh	
249	Vật lý	0249	27/05/05	8.25	8.75	6.5	2.25	**30.25**	THPT Phan Châu Trinh	
250	Vật lý	0250	28/08/05	7	9	8.75	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
251	Vật lý	0251	05/02/05	8	8.75	8.75	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
252	Vật lý	0252	13/08/05	6.5	7.5	8.25	3	**31.25**	THPT Phan Châu Trinh	
253	Vật lý	0253	08/06/05	6.5	7.75	7.5	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
254	Vật lý	0254	31/10/05	8.25	10	9.5	6.38	**46.89**	THPT Phan Châu Trinh	
255	Vật lý	0255	28/01/05	7.5	9.75	7.5	2.75	**33**	THPT Phan Châu Trinh	
256	Vật lý	0256	27/05/05	7.25	8.25	9	7.63	**47.39**	THPT Phan Châu Trinh	
257	Vật lý	0257	06/12/05	7.75	10	9	8.38	**51.89**	THPT Phan Châu Trinh	
258	Vật lý	0258	06/12/05	7	10	9.5	8.63	**52.39**	THPT Phan Châu Trinh	
259	Vật lý	0259	26/05/05	8	9.5	9	7.25	**48.25**	THPT Phan Châu Trinh	
260	Vật lý	0260	04/10/05	8	10	9.75	9.5	**56.25**	THPT Phan Châu Trinh	
261	Vật lý	0261	18/08/05	6.5	7.25	7	1.13		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
262	Vật lý	0262	30/03/05	7	9.25	9.25	4.38	**38.64**	THPT Phan Châu Trinh	
263	Vật lý	0263	24/04/05	7	8.75	9	5.75	**42**	THPT Phan Châu Trinh	
264	Vật lý	0264	22/07/05	7	9.25	8.5	7.88	**48.39**	THPT Phan Châu Trinh	
265	Vật lý	0265	30/04/05	5	4	10	6.25	**37.75**	THPT Phan Châu Trinh	
266	Vật lý	0266	09/01/05	5.75	9.25	7.75	3	**31.75**	THPT Phan Châu Trinh	
267	Vật lý	0267	21/05/05	7.5	6.5	8.25	3.38	**32.39**	THPT Phan Châu Trinh	
268	Vật lý	0268	17/05/05	8	10	9.75	5.13	**43.14**	THPT Phan Châu Trinh	
269	Vật lý	0269	02/05/05	6.75	7.5	9.25	5.25	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
270	Vật lý	0270	02/01/05	7	7.25	7.5	4.5	**35.25**	THPT Phan Châu Trinh	
271	Vật lý	0271	17/07/05	7	9	8.5	7	**45.5**	THPT Phan Châu Trinh	
272	Vật lý	0272	17/03/05	6.5	6.75	7.25	7.13	**41.89**	THPT Phan Châu Trinh	
273	Vật lý	0273	29/03/05	7.75	9.25	8.5	1.13		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
274	Vật lý	0274	17/07/05	8.5	8.25	8.25	6.63	**44.89**	THPT Phan Châu Trinh	
275	Vật lý	0275	28/09/05	7.25	9.5	9.5	6.75	**46.5**	THPT Phan Châu Trinh	
276	Vật lý	0276	02/01/05	8	9	9.5	6.25	**45.25**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
277	Vật lý	0277	02/09/05	8	9.75	9.5	8.25	**52**	THPT Phan Châu Trinh	
278	Vật lý	0278	16/01/05	7	5.75	8	2.25	**27.5**	THPT Phan Châu Trinh	
279	Vật lý	0279	15/06/05	7.5	9.25	8.5	5	**40.25**	THPT Phan Châu Trinh	
280	Vật lý	0280	01/08/05	7.75	9.75	7.5	6.63	**44.89**	THPT Phan Châu Trinh	
281	Hóa học	0281	25/12/05	8.25	8.75	6.75	3.63	**34.64**	THPT Phan Châu Trinh	
282	Hóa học	0282	09/03/05	8.75	8.75	9	1.13		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
283	Hóa học	0283	01/03/05	5.25	9.5	8.75	0.38		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
284	Hóa học	0284	10/02/05	4.5	6.5	6.75	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
285	Hóa học	0285	16/01/05	8	10	7.25	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
286	Hóa học	0286	22/11/05	8.5	10	9.5	5.38	**44.14**	THPT Phan Châu Trinh	
287	Hóa học	0287	09/02/05	8	9.5	9	6.13	**44.89**	THPT Phan Châu Trinh	
288	Hóa học	0288	09/03/05	7	10	9.5	5.38	**42.64**	THPT Phan Châu Trinh	
289	Hóa học	0289	07/01/05	6.5	9.5	7.75	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
290	Hóa học	0290	10/07/05	5.5	9.25	8.75	6.25	**42.25**	THPT Phan Châu Trinh	
291	Hóa học	0291	09/05/05	7.5	9	9	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
292	Hóa học	0292	26/07/05	8	9.25	7.5	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
293	Hóa học	0293	31/10/05	8.75	9.25	7.75	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
294	Hóa học	0294	14/01/05	9	9.75	6.5	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
295	Hóa học	0295	11/07/05	8	9	7.25	7	**45.25**	THPT Phan Châu Trinh	
296	Hóa học	0296	29/10/05	7.75	9.25	7.75	4.13	**37.14**	THPT Phan Châu Trinh	
297	Hóa học	0297	04/01/05	6	8.5	8.5	4.63	**36.89**	THPT Phan Châu Trinh	
298	Hóa học	0298	23/06/05	7.5	9.75	8.5	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
299	Hóa học	0299	22/09/05	7.5	8.75	7.5	'---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
300	Hóa học	0300	18/11/05	8.75	9.5	8.5	5.25	**42.5**	THPT Phan Châu Trinh	
301	Hóa học	0301	28/04/05	7.5	9	8	4.13	**36.89**	THPT Phan Châu Trinh	
302	Hóa học	0302	30/01/05	8.25	9	9.5	2.38	**33.89**	THPT Phan Châu Trinh	
303	Hóa học	0303	12/11/05	5.75	8.75	9.25	4.88	**38.39**	THPT Phan Châu Trinh	
304	Hóa học	0304	28/11/05	7.75	9.5	8.5	3.38	**35.89**	THPT Phan Châu Trinh	
305	Hóa học	0305	05/07/05	7.5	9.25	9.5	2.63	**34.14**	THPT Phan Châu Trinh	
306	Hóa học	0306	06/03/05	6.75	9.5	9.5	2.63	**33.64**	THPT Phan Châu Trinh	
307	Hóa học	0307	09/12/05	7.25	9.25	8	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
308	Hóa học	0308	11/10/05	8	9.25	8.75	4.88	**40.64**	THPT Phan Châu Trinh	
309	Hóa học	0309	28/06/05	6.75	8.75	9.5	4.75	**39.25**	THPT Phan Châu Trinh	
310	Hóa học	0310	27/04/05	7	9.25	8.75	4.88	**39.64**	THPT Phan Châu Trinh	
311	Hóa học	0311	06/03/05	8.5	10	9.5	7	**49**	THPT Phan Châu Trinh	
312	Hóa học	0312	01/04/05	7.75	9.5	9.5	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
313	Hóa học	0313	25/09/05	6.5	8.25	7.25	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
314	Hóa học	0314	15/06/05	7	8.5	9	3.75	**35.75**	THPT Phan Châu Trinh	
315	Hóa học	0315	28/05/05	6.5	9	8	4.25	**36.25**	THPT Phan Châu Trinh	
316	Hóa học	0316	01/04/05	7.25	8	7.25	1.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
317	Hóa học	0317	11/03/05	7.5	8.75	6.75	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
318	Hóa học	0318	02/06/05	7.25	9	8.25	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
319	Hóa học	0319	27/08/05	8	9	5	0.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
320	Hóa học	0320	21/11/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
321	Hóa học	0321	18/09/05	7.5	8.5	8.25	3.75	**35.5**	THPT Phan Châu Trinh	
322	Hóa học	0322	23/01/05	5	7.75	9.25	6.88	**42.64**	THPT Phan Châu Trinh	
323	Hóa học	0323	03/01/05	7.5	10	6.75	4.5	**37.75**	THPT Phan Châu Trinh	
324	Hóa học	0324	05/03/05	7.5	9.5	7.75	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
325	Hóa học	0325	13/06/05	6.5	6.25	6.25	0.38		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
326	Hóa học	0326	12/10/05	7.75	9.75	10	7.5	**50**	THPT Phan Châu Trinh	
327	Hóa học	0327	05/11/05	8.5	9.25	9.5	7.13	**48.64**	THPT Phan Châu Trinh	
328	Hóa học	0328	21/01/05	8.25	9.25	8.5	6	**44**	THPT Phan Châu Trinh	
329	Hóa học	0329	19/05/05	7.25	8.75	9.5	2.38	**32.64**	THPT Phan Châu Trinh	
330	Hóa học	0330	02/08/05	6.25	9.5	7	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
331	Hóa học	0331	17/11/05	7	10	9.5	3.13	**35.89**	THPT Phan Châu Trinh	
332	Hóa học	0332	11/06/05	8	9.25	8	2.88	**33.89**	THPT Phan Châu Trinh	
333	Hóa học	0333	05/03/05	9	10	9.5	7.75	**51.75**	THPT Phan Châu Trinh	
334	Hóa học	0334	28/10/05	7.75	9.5	7.5	7.25	**46.5**	THPT Phan Châu Trinh	
335	Hóa học	0335	25/09/05	7.5	9.25	7	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
336	Hóa học	0336	17/07/05	7	9.25	8.5	5.88	**42.39**	THPT Phan Châu Trinh	
337	Hóa học	0337	08/02/05	7.75	9.25	9.25	4.13	**38.64**	THPT Phan Châu Trinh	
338	Hóa học	0338	17/12/05	7.25	9.75	9.5	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
339	Hóa học	0339	25/03/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
340	Hóa học	0340	08/01/05	9	9.5	6.5	3.75	**36.25**	THPT Phan Châu Trinh	
341	Hóa học	0341	07/10/05	7	9.5	8.25	6	**42.75**	THPT Phan Châu Trinh	
342	Hóa học	0342	06/08/05	8	9.25	8.25	4.88	**40.14**	THPT Phan Châu Trinh	
343	Hóa học	0343	30/10/05	8	9.75	7.25	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
344	Hóa học	0344	01/05/05	5	8	7.75	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
345	Hóa học	0345	12/10/05	5.75	9.75	8	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
346	Hóa học	0346	04/05/05	7.75	9.5	8.25	5.75	**42.75**	THPT Phan Châu Trinh	
347	Hóa học	0347	16/10/05	7	9.5	5.75	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
348	Hóa học	0348	20/07/05	8	9.75	9	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
349	Hóa học	0349	27/05/05	6	9	7	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
350	Hóa học	0350	22/09/05	8	9.5	7.75	5.25	**41**	THPT Phan Châu Trinh	
351	Hóa học	0351	20/05/05	7	9.25	10	4.88	**40.89**	THPT Phan Châu Trinh	
352	Hóa học	0352	12/11/05	7.5	9.5	8.5	3.25	**35.25**	THPT Phan Châu Trinh	
353	Hóa học	0353	11/01/05	7	8.75	9	6.25	**43.5**	THPT Phan Châu Trinh	
354	Hóa học	0354	07/11/05	6.5	8.5	6.5	4.75	**35.75**	THPT Phan Châu Trinh	
355	Hóa học	0355	19/10/05	8.25	9.75	8.25	2.88	**34.89**	THPT Phan Châu Trinh	
356	Hóa học	0356	07/02/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
357	Hóa học	0357	20/02/05	7.25	10	7.75	3.63	**35.89**	THPT Phan Châu Trinh	
358	Hóa học	0358	18/10/05	8	9	10	8.75	**53.25**	THPT Phan Châu Trinh	
359	Hóa học	0359	07/10/05	8.5	10	9.75	7.75	**51.5**	THPT Phan Châu Trinh	
360	Hóa học	0360	05/11/05	7	9.25	9.25	4.63	**39.39**	THPT Phan Châu Trinh	
361	Hóa học	0361	26/06/05	7	10	9.5	5.5	**43**	THPT Phan Châu Trinh	
362	Hóa học	0362	17/04/05	7.5	9.5	8.5	2.38	**32.64**	THPT Phan Châu Trinh	
363	Hóa học	0363	15/05/05	5.5	8.75	6.75	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
364	Hóa học	0364	31/08/05	6.75	5.75	6.5	0.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
365	Hóa học	0365	08/09/05	7.25	7.75	7.75	4.13	**35.14**	THPT Phan Châu Trinh	
366	Hóa học	0366	02/07/05	8	9	8	1.38		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
367	Hóa học	0367	08/03/05	6.5	8.75	8	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
368	Hóa học	0368	04/08/05	8	9.25	7.5	0.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
369	Hóa học	0369	05/05/05	7.75	7.25	6.75	1.13		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
370	Hóa học	0370	06/10/05	8.25	10	8.5	7.63	**49.64**	THPT Phan Châu Trinh	
371	Hóa học	0371	25/10/05	7.5	10	8.5	6.13	**44.39**	THPT Phan Châu Trinh	
372	Hóa học	0372	11/05/05	7.25	8	6.75	3	**31**	THPT Phan Châu Trinh	
373	Hóa học	0373	26/01/05	7.75	9	8	1.13		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
374	Hóa học	0374	11/10/05	7.5	9.5	9	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
375	Hóa học	0375	18/03/05	7	10	9.25	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
376	Hóa học	0376	23/10/05	6.75	8.5	9	4	**36.25**	THPT Phan Châu Trinh	
377	Hóa học	0377	23/06/05	6.5	9.5	8.5	7.75	**47.75**	THPT Phan Châu Trinh	
378	Hóa học	0378	28/10/05	7.25	8.5	7.75	0.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
379	Hóa học	0379	01/06/05	6.75	6.75	10	6.38	**42.64**	THPT Phan Châu Trinh	
380	Hóa học	0380	10/03/05	6.75	8.25	7.25	3.88	**33.89**	THPT Phan Châu Trinh	
381	Hóa học	0381	03/09/05	6.75	8.25	8	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
382	Hóa học	0382	20/10/05	8.5	8.5	8.5	2.25	**32.25**	THPT Phan Châu Trinh	
383	Hóa học	0383	06/04/05	7.25	9.5	9.5	6.13	**44.64**	THPT Phan Châu Trinh	
384	Hóa học	0384	17/09/05	8.25	7	9.5	4.88	**39.39**	THPT Phan Châu Trinh	
385	Hóa học	0385	18/12/05	8	10	9.5	6.38	**46.64**	THPT Phan Châu Trinh	
386	Hóa học	0386	18/10/05	7.5	9.25	7.5	2.75	**32.5**	THPT Phan Châu Trinh	
387	Hóa học	0387	15/05/05	7.25	9.5	9.5	3.63	**37.14**	THPT Phan Châu Trinh	
388	Hóa học	0388	30/05/05	8.5	9.75	9	5.13	**42.64**	THPT Phan Châu Trinh	
389	Hóa học	0389	13/01/05	6.5	10	9.5	5.38	**42.14**	THPT Phan Châu Trinh	
390	Hóa học	0390	14/10/05	7.25	9.75	9.5	7.38	**48.64**	THPT Phan Châu Trinh	
391	Hóa học	0391	03/10/05	8	9.5	8	'---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
392	Hóa học	0392	25/10/05	7.5	6.75	8.5	1.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
393	Hóa học	0393	31/07/05	8.25	10	9.5	9	**54.75**	THPT Phan Châu Trinh	
394	Hóa học	0394	29/03/05	7.25	9.25	9.5	2.88	**34.64**	THPT Phan Châu Trinh	
395	Hóa học	0395	24/10/05	8	8	8	1.63		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
396	Hóa học	0396	09/05/05	7.25	8.25	7.5	7.5	**45.5**	THPT Phan Châu Trinh	
397	Hóa học	0397	28/02/05	7	9.25	8.75	0.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
398	Hóa học	0398	10/05/05	7	7.25	7	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
399	Hóa học	0399	12/03/05	8.25	10	7.5	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
400	Hóa học	0400	17/07/05	7.25	10	8.75	3.13	**35.39**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
401	Hóa học	0401	20/08/05	7	8.25	7.75	3.25	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
402	Hóa học	0402	05/05/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
403	Hóa học	0403	08/05/05	8	9.25	8.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
404	Hóa học	0404	16/05/05	5.75	4.75	6.5	2.88	**25.64**	THPT Phan Châu Trinh	
405	Hóa học	0405	22/02/05	5.5	8	8	2.75	**29.75**	THPT Phan Châu Trinh	
406	Hóa học	0406	23/12/05	7	8.5	7.75	0.25		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
407	Hóa học	0407	27/11/05	7.75	8	8.5	3.25	**34**	THPT Phan Châu Trinh	
408	Hóa học	0408	02/12/05	8.75	10	9	5.38	**43.89**	THPT Phan Châu Trinh	
409	Hóa học	0409	26/09/05	---	---	---	---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
410	Hóa học	0410	08/05/05	7.5	9	8.75	0.13		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
411	Hóa học	0411	11/07/05	8	9.75	10	5.5	**44.25**	THPT Phan Châu Trinh	
412	Hóa học	0412	12/01/05	6.75	9.25	8.25	2.75	**32.5**	THPT Phan Châu Trinh	
413	Hóa học	0413	09/03/05	8	9.75	7.75	4.38	**38.64**	THPT Phan Châu Trinh	
414	Hóa học	0414	07/04/05	8	9.25	8	2.38	**32.39**	THPT Phan Châu Trinh	
415	Hóa học	0415	24/10/05	7.5	8.75	6.5	1.5		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
416	Hóa học	0416	18/05/05	7.5	9.75	7.5	1.38		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
417	Sinh học	0417	11/01/05	7	4.75	6.25	4.13	**30.39**	THPT Phan Châu Trinh	
418	Sinh học	0418	26/04/05	7.5	9.5	7.5	4.63	**38.39**	THPT Phan Châu Trinh	
419	Sinh học	0419	02/03/05	7	9.25	6.25	3.88	**34.14**	THPT Phan Châu Trinh	
420	Sinh học	0420	29/07/05	7.25	9.25	9	7.13	**46.89**	THPT Phan Châu Trinh	
421	Sinh học	0421	26/06/05	5.5	9.5	6.25	3.13	**30.64**	THPT Phan Châu Trinh	
422	Sinh học	0422	02/09/05	7	5	7.75	2.75	**28**	THPT Phan Châu Trinh	
423	Sinh học	0423	17/09/05	8.5	9.25	7.25	3.25	**34.75**	THPT Phan Châu Trinh	
424	Sinh học	0424	29/06/05	7.75	9.5	7.25	5	**39.5**	THPT Phan Châu Trinh	
425	Sinh học	0425	14/09/05	8.5	9.5	8.75	6.75	**47**	THPT Phan Châu Trinh	
426	Sinh học	0426	01/11/05	8.75	9.75	8.75	7.5	**49.75**	THPT Phan Châu Trinh	
427	Sinh học	0427	11/02/05	5.75	8.5	9.5	3	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
428	Sinh học	0428	30/05/05	7	7	5.5	2.63	**27.39**	THPT Phan Châu Trinh	
429	Sinh học	0429	18/10/05	8.5	9.75	8.75	4.13	**39.39**	THPT Phan Châu Trinh	
430	Sinh học	0430	26/02/05	7	7.5	7.25	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
431	Sinh học	0431	24/09/05	6.5	9.5	9.75	5	**40.75**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
432	Sinh học	0432	04/04/05	6	8	6.25	6.25	**39**	THPT Phan Châu Trinh	
433	Sinh học	0433	03/02/05	7	6.75	7.25	5	**36**	THPT Phan Châu Trinh	
434	Sinh học	0434	16/01/05	7.25	9.5	8.5	3.25	**35**	THPT Phan Châu Trinh	
435	Sinh học	0435	12/06/05	7	9.5	6.5	5	**38**	THPT Phan Châu Trinh	
436	Sinh học	0436	14/05/05	6.75	9.5	7.5	4.38	**36.89**	THPT Phan Châu Trinh	
437	Sinh học	0437	29/05/05	7	9	8.75	5.75	**42**	THPT Phan Châu Trinh	
438	Sinh học	0438	17/01/05	8	9.5	6.5	3.38	**34.14**	THPT Phan Châu Trinh	
439	Sinh học	0439	17/12/04	6.75	9.25	6.75	1.88		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
440	Sinh học	0440	11/04/05	8.25	9.25	8.75	9	**53.25**	THPT Phan Châu Trinh	
441	Sinh học	0441	12/01/05	8.75	10	9.5	7.5	**50.75**	THPT Phan Châu Trinh	
442	Sinh học	0442	14/09/05	8.5	9.5	6.75	5.25	**40.5**	THPT Phan Châu Trinh	
443	Sinh học	0443	09/08/05	6.5	9.25	5.75	3.75	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
444	Sinh học	0444	19/06/05	8.5	9.25	8.75	6.75	**46.75**	THPT Phan Châu Trinh	
445	Sinh học	0445	14/06/05	8.5	8	7	3.13	**32.89**	THPT Phan Châu Trinh	
446	Sinh học	0446	26/03/05	8.75	9.25	9.5	5.38	**43.64**	THPT Phan Châu Trinh	
447	Sinh học	0447	03/06/05	7.25	7.25	7.75	2.88	**30.89**	THPT Phan Châu Trinh	
448	Sinh học	0448	13/05/05	8.5	9.5	9.5	6.75	**47.75**	THPT Phan Châu Trinh	
449	Sinh học	0449	18/02/05	6.5	6.5	6.5	3.63	**30.39**	THPT Phan Châu Trinh	
450	Sinh học	0450	25/08/05	8	8	6.25	4.5	**35.75**	THPT Phan Châu Trinh	
451	Sinh học	0451	22/04/05	7.5	8	7.75	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
452	Sinh học	0452	17/05/05	7.75	9.5	9.25	2.25	**33.25**	THPT Phan Châu Trinh	
453	Sinh học	0453	01/04/05	8.25	9.25	6.5	1.75		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
454	Sinh học	0454	21/08/05	7.25	8.75	8	3.75	**35.25**	THPT Phan Châu Trinh	
455	Sinh học	0455	16/02/05	6.5	8.5	8.25	4.13	**35.64**	THPT Phan Châu Trinh	
456	Sinh học	0456	06/09/05	7	7.75	7	5.13	**37.14**	THPT Phan Châu Trinh	
457	Sinh học	0457	09/04/05	8.75	8.75	7	2.75	**32.75**	THPT Phan Châu Trinh	
458	Sinh học	0458	03/07/05	8	10	7	5	**40**	THPT Phan Châu Trinh	
459	Sinh học	0459	02/09/05	8	9.25	7	5.88	**41.89**	THPT Phan Châu Trinh	
460	Sinh học	0460	24/03/05	8	9.75	7.5	5.88	**42.89**	THPT Phan Châu Trinh	
461	Sinh học	0461	28/12/05	6.75	8.25	8.5	2.88	**32.14**	THPT Phan Châu Trinh	
462	Sinh học	0462	30/09/05	8.5	8.75	6.75	4.5	**37.5**	THPT Phan Châu Trinh	
463	Sinh học	0463	05/07/05	6.25	9.75	9.5	6.38	**44.64**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
464	Sinh học	0464	10/06/05	7	10	8.5	6.63	**45.39**	THPT Phan Châu Trinh	
465	Sinh học	0465	21/10/05	7.25	8.5	7.25	2.63	**30.89**	THPT Phan Châu Trinh	
466	Sinh học	0466	22/11/05	8	9	7	5.38	**40.14**	THPT Phan Châu Trinh	
467	Sinh học	0467	03/12/05	8.25	9.5	9	6.5	**46.25**	THPT Phan Châu Trinh	
468	Sinh học	0468	03/12/05	7	5.25	6.25	6.25	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
469	Sinh học	0469	05/12/05	8	9.5	7	4.25	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
470	Sinh học	0470	21/09/05	7.5	10	9.5	7.13	**48.39**	THPT Phan Châu Trinh	
471	Sinh học	0471	24/05/05	7.5	8.5	8.75	7.13	**46.14**	THPT Phan Châu Trinh	
472	Sinh học	0472	03/09/05	5.5	9	7.5	2.25	**28.75**	THPT Phan Châu Trinh	
473	Sinh học	0473	30/03/05	7.25	9.25	8.75	6.88	**45.89**	THPT Phan Châu Trinh	
474	Sinh học	0474	28/03/05	9	9.5	9.25	4.38	**40.89**	THPT Phan Châu Trinh	
475	Sinh học	0475	06/06/05	7.75	7.5	6.25	5.13	**36.89**	THPT Phan Châu Trinh	
476	Sinh học	0476	08/02/05	8	9.75	7.75	2.88	**34.14**	THPT Phan Châu Trinh	
477	Sinh học	0477	30/01/05	6.75	9.25	7	4.88	**37.64**	THPT Phan Châu Trinh	
478	Sinh học	0478	12/04/05	6.75	9.5	7.75	5.88	**41.64**	THPT Phan Châu Trinh	
479	Sinh học	0479	12/07/05	7.75	9.5	7.5	2.75	**33**	THPT Phan Châu Trinh	
480	Sinh học	0480	28/04/05	6.25	9	6.5	2.5	**29.25**	THPT Phan Châu Trinh	
481	Sinh học	0481	17/06/05	6	9	7.5	4.5	**36**	THPT Phan Châu Trinh	
482	Sinh học	0482	27/02/05	8.5	8.75	7.75	6.25	**43.75**	THPT Phan Châu Trinh	
483	Sinh học	0483	13/12/05	6	8.5	7	3.5	**32**	THPT Phan Châu Trinh	
484	Sinh học	0484	14/06/05	7	7.75	8.5	5.13	**38.64**	THPT Phan Châu Trinh	
485	Sinh học	0485	18/02/05	8	10	9	4.25	**39.75**	THPT Phan Châu Trinh	
486	Sinh học	0486	17/02/05	7.75	10	8.25	6.38	**45.14**	THPT Phan Châu Trinh	
487	Sinh học	0487	05/02/05	8	8.5	7.5	6.38	**43.14**	THPT Phan Châu Trinh	
488	Sinh học	0488	16/09/05	8.25	8.75	7.75	5.25	**40.5**	THPT Phan Châu Trinh	
489	Sinh học	0489	15/03/05	8.5	9.5	7	5.13	**40.39**	THPT Phan Châu Trinh	
490	Sinh học	0490	26/08/05	8	9	8.5	7	**46.5**	THPT Phan Châu Trinh	
491	Sinh học	0491	16/11/05	8.5	9.5	8	3	**35**	THPT Phan Châu Trinh	
492	Sinh học	0492	27/02/05	8.5	7.75	10	7.5	**48.75**	THPT Phan Châu Trinh	
493	Sinh học	0493	22/01/05	8.5	9.25	7.25	3.25	**34.75**	THPT Phan Châu Trinh	
494	Sinh học	0494	28/04/05	8	10	8	3.75	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
495	Sinh học	0495	28/02/05	7.75	9	8.25	5.5	**41.5**	THPT Phan Châu Trinh	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
496	Sinh học	0496	18/09/05	8	9.5	6.75	6.88	**44.89**	THPT Phan Châu Trinh	
497	Sinh học	0497	01/10/05	8	7.5	7	2.5	**30**	THPT Phan Châu Trinh	
498	Sinh học	0498	13/03/05	7	8	8.25	4.63	**37.14**	THPT Phan Châu Trinh	
499	Sinh học	0499	08/03/05	7	9.5	8.25	7.13	**46.14**	THPT Phan Châu Trinh	
500	Sinh học	0500	06/01/05	7.25	9.75	7.75	2.38	**31.89**	THPT Phan Châu Trinh	
501	Sinh học	0501	21/02/05	7	3.5	5	2		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
502	Sinh học	0502	20/09/05	7.5	8.75	8.25	5.13	**39.89**	THPT Phan Châu Trinh	
503	Sinh học	0503	25/01/05	6	10	8.25	7.88	**47.89**	THPT Phan Châu Trinh	
504	Sinh học	0504	13/08/05	8	8.75	8.75	'---		THPT Phan Châu Trinh	Bỏ thi
505	Sinh học	0505	04/08/05	8	10	9.5	5.88	**45.14**	THPT Phan Châu Trinh	
506	Sinh học	0506	03/02/05	8	9	8.75	7.38	**47.89**	THPT Phan Châu Trinh	
507	Sinh học	0507	16/05/05	8.25	8.25	9	6.88	**46.14**	THPT Phan Châu Trinh	
508	Tin học	0508	27/02/05	6.5	9.25	9.5	4	**37.25**	THPT Phan Châu Trinh	
509	Tin học	0509	10/07/05	8	9.75	9.75	10	**57.5**	THPT Phan Châu Trinh	
510	Tin học	0510	24/05/05	8.75	9.5	8.5	4.6	**40.55**	THPT Phan Châu Trinh	
511	Tin học	0511	05/09/05	6	9.5	6.75	5.7	**39.35**	THPT Phan Châu Trinh	
512	Tin học	0512	26/01/05	6.75	9	9	7.6	**47.55**	THPT Phan Châu Trinh	
513	Tin học	0513	10/10/05	8	9.25	7	7.6	**47.05**	THPT Phan Châu Trinh	
514	Tin học	0514	03/01/05	7.5	7.75	9.25	4.3	**37.4**	THPT Phan Châu Trinh	
515	Tin học	0515	27/09/05	7	9.5	9	7.5	**48**	THPT Phan Châu Trinh	
516	Tin học	0516	17/03/05	6.25	9	8.75	7.3	**45.9**	THPT Phan Châu Trinh	
517	Tin học	0517	12/10/05	7.75	9.25	9	1.7		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
518	Tin học	0518	30/07/05	6	7.5	6.75	5.2	**35.85**	THPT Phan Châu Trinh	
519	Tin học	0519	06/08/05	8.5	9.5	8.75	1.6		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
520	Tin học	0520	04/09/05	6	7.5	8.5	'---		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
521	Tin học	0521	09/09/05	7	8.75	8.25	5.2	**39.6**	THPT Phan Châu Trinh	
522	Tin học	0522	15/05/05	7	9.5	9.5	9.1	**53.3**	THPT Phan Châu Trinh	
523	Tin học	0523	06/06/05	6.25	10	8.5	'---		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
524	Tin học	0524	27/05/05	7.75	9.75	9	5.5	**43**	THPT Phan Châu Trinh	
525	Tin học	0525	19/05/05	5.75	8.5	7.75	9.7	**51.1**	THPT Phan Châu Trinh	
526	Tin học	0526	07/11/05	6	7.5	7	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
527	Tin học	0527	09/01/05	7.5	9	10	10	**56.5**	THPT Phan Châu Trinh	
528	Tin học	0528	03/06/05	7.25	10	9	5.8	**43.65**	THPT Phan Châu Trinh	
529	Tin học	0529	04/06/05	6.5	8.25	6.25	1		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
530	Tin học	0530	22/03/05	7.25	9.75	9	7	**47**	THPT Phan Châu Trinh	
531	Tin học	0531	19/12/05	6	9.75	8.25	7.9	**47.7**	THPT Phan Châu Trinh	
532	Tin học	0532	11/12/05	8	10	8.25	2.8	**34.65**	THPT Phan Châu Trinh	
533	Tin học	0533	15/03/05	6.75	9.5	8.75	8.2	**49.6**	THPT Phan Châu Trinh	
534	Tin học	0534	14/04/05	7.5	9.75	7.25	---		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
535	Tin học	0535	28/12/05	8.25	9.75	9	9.7	**56.1**	THPT Phan Châu Trinh	
536	Tin học	0536	23/04/05	7.5	9.25	10	4.6	**40.55**	THPT Phan Châu Trinh	
537	Tin học	0537	17/11/05	7	8.75	9.5	6.1	**43.55**	THPT Phan Châu Trinh	
538	Tin học	0538	22/01/05	7	9.25	8.5	2.2	**31.35**	THPT Phan Châu Trinh	
539	Tin học	0539	05/07/05	8.25	9.25	9.5	7.3	**48.9**	THPT Phan Châu Trinh	
540	Tin học	0540	05/09/05	7.75	9.5	8.75	5.7	**43.1**	THPT Phan Châu Trinh	
541	Tin học	0541	03/07/05	5.75	10	9	7.3	**46.65**	THPT Phan Châu Trinh	
542	Tin học	0542	28/01/05	8.5	9.5	10	1.9		THPT Phan Châu Trinh	Điểm liệt
543	Tin học	0543	26/03/05	6.75	9	9	7	**45.75**	THPT Phan Châu Trinh	
544	Tin học	0544	01/09/05	7.75	5.5	7.75	4.2	**33.6**	THPT Phan Châu Trinh	
545	Tin học	0545	13/01/05	7.5	8.5	9	7.6	**47.8**	THPT Phan Châu Trinh	
546	Tin học	0546	22/12/05	7.5	9.75	9.75	9.7	**56.1**	THPT Phan Châu Trinh	
547	Tin học	0547	18/12/05	8	8.5	8.25	3.3	**34.65**	THPT Phan Châu Trinh	
548	Ngữ văn	0548	09/02/05	8	9.75	6.75	6	**42.5**	THPT Trần Phú	
549	Ngữ văn	0549	12/12/05	7.5	10	7.25	3.5	**35.25**	THPT Trần Phú	
550	Ngữ văn	0550	16/05/05	8	9.5	6.5	4.25	**36.75**	THPT Trần Phú	
551	Ngữ văn	0551	22/09/05	8	9.25	8	4.5	**38.75**	THPT Trần Phú	
552	Ngữ văn	0552	21/04/05	8.5	9	7.75	6.25	**44**	THPT Trần Phú	
553	Ngữ văn	0553	13/01/05	8	9.25	7.5	4.5	**38.25**	THPT Trần Phú	
554	Ngữ văn	0554	15/11/05	8	8.5	6.5	4	**35**	THPT Trần Phú	
555	Ngữ văn	0555	13/01/05	8.25	6.25	6.25	3.5	**31.25**	THPT Trần Phú	
556	Ngữ văn	0556	01/01/05	8.5	9	6.75	6.25	**43**	THPT Trần Phú	
557	Ngữ văn	0557	09/06/05	7.25	8	9.75	3.25	**34.75**	THPT Trần Phú	
558	Ngữ văn	0558	16/06/05	8	9.5	7.75	5.25	**41**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
559	Ngữ văn	0559	15/07/05	7	9.5	8.5	1.25		THPT Trần Phú	Điểm liệt
560	Ngữ văn	0560	13/04/05	8	10	6.75	5.4	**40.95**	THPT Trần Phú	
561	Ngữ văn	0561	06/05/05	8.25	8.25	7	4.1	**35.8**	THPT Trần Phú	
562	Ngữ văn	0562	01/01/05	8	10	6.25	6.5	**43.75**	THPT Trần Phú	
563	Ngữ văn	0563	25/02/05	7.5	10	5.75	5.5	**39.75**	THPT Trần Phú	
564	Ngữ văn	0564	20/03/05	8	9.75	6.25	4.25	**36.75**	THPT Trần Phú	
565	Ngữ văn	0565	08/05/05	8.5	9.25	6.5	5	**39.25**	THPT Trần Phú	
566	Ngữ văn	0566	17/05/05	7.5	9.5	7.5	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
567	Ngữ văn	0567	19/02/05	8	10	6.75	4.6	**38.55**	THPT Trần Phú	
568	Ngữ văn	0568	01/01/05	7.25	9.25	7	4	**35.5**	THPT Trần Phú	
569	Ngữ văn	0569	15/07/05	7.5	5.5	6	4	**31**	THPT Trần Phú	
570	Ngữ văn	0570	22/04/05	8	8.25	6.5	5.5	**39.25**	THPT Trần Phú	
571	Ngữ văn	0571	06/06/05	8	9.75	8	5.5	**42.25**	THPT Trần Phú	
572	Ngữ văn	0572	16/05/05	7.25	8	6.25	4.75	**35.75**	THPT Trần Phú	
573	Ngữ văn	0573	06/05/05	5.75	8.75	5.25	2.75	**28**	THPT Trần Phú	
574	Ngữ văn	0574	02/01/05	7.5	9	7.25	4	**35.75**	THPT Trần Phú	
575	Ngữ văn	0575	07/05/05	8.5	7.75	6.25	5.25	**38.25**	THPT Trần Phú	
576	Ngữ văn	0576	13/03/05	8.25	7.5	6.5	3.75	**33.5**	THPT Trần Phú	
577	Ngữ văn	0577	08/03/05	8.25	9.5	8.5	5.5	**42.75**	THPT Trần Phú	
578	Ngữ văn	0578	15/02/05	8.75	9.5	7	5.75	**42.5**	THPT Trần Phú	
579	Ngữ văn	0579	05/03/05	8.25	9.75	8.75	5.25	**42.5**	THPT Trần Phú	
580	Ngữ văn	0580	12/05/05	7.5	9.75	7	4.25	**37**	THPT Trần Phú	
581	Ngữ văn	0581	16/06/05	9	10	8.25	4	**39.25**	THPT Trần Phú	
582	Ngữ văn	0582	01/03/05	8	9	7.75	5.25	**40.5**	THPT Trần Phú	
583	Ngữ văn	0583	22/04/05	8	9	6	3.5	**33.5**	THPT Trần Phú	
584	Ngữ văn	0584	06/01/05	9	9	7.75	6	**43.75**	THPT Trần Phú	
585	Ngữ văn	0585	10/02/05	8	9.25	8	4.25	**38**	THPT Trần Phú	
586	Ngữ văn	0586	30/12/05	8	8.5	8.25	4.5	**38.25**	THPT Trần Phú	
587	Ngữ văn	0587	07/09/05	7.5	7.5	6	4.75	**35.25**	THPT Trần Phú	
588	Ngữ văn	0588	18/09/05	7	6.75	4	4	**29.75**	THPT Trần Phú	
589	Ngữ văn	0589	21/12/05	8	8	6.75	3.75	**34**	THPT Trần Phú	
590	Ngữ văn	0590	14/08/05	7.5	10	5.5	6.5	**42.5**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
591	Ngữ văn	0591	26/07/05	8	9.5	7	4.25	**37.25**	THPT Trần Phú	
592	Ngữ văn	0592	20/05/05	7.5	4.75	6.5	1.5		THPT Trần Phú	Điểm liệt
593	Ngữ văn	0593	12/05/05	8	8.5	8	5.5	**41**	THPT Trần Phú	
594	Ngữ văn	0594	19/05/05	8.5	7.75	6.75	5	**38**	THPT Trần Phú	
595	Ngữ văn	0595	12/08/05	8	9.75	5.25	3.5	**33.5**	THPT Trần Phú	
596	Ngữ văn	0596	22/08/05	8	9.5	8	4.5	**39**	THPT Trần Phú	
597	Ngữ văn	0597	12/06/05	---	---	---	---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
598	Ngữ văn	0598	24/04/05	8	9	6.75	5	**38.75**	THPT Trần Phú	
599	Ngữ văn	0599	16/06/05	7	6.25	7	4.5	**33.75**	THPT Trần Phú	
600	Ngữ văn	0600	15/12/05	7.5	9	7.5	2.75	**32.25**	THPT Trần Phú	
601	Ngữ văn	0601	16/02/05	8	8.5	5.5	5.75	**39.25**	THPT Trần Phú	
602	Ngữ văn	0602	24/09/05	8.25	10	7.5	3.2	**35.35**	THPT Trần Phú	
603	Ngữ văn	0603	07/01/05	9	9.5	6.5	7.5	**47.5**	THPT Trần Phú	
604	Ngữ văn	0604	08/06/05	8.75	10	7	4.5	**39.25**	THPT Trần Phú	
605	Ngữ văn	0605	09/04/05	9	9.75	8.75	6.25	**46.25**	THPT Trần Phú	
606	Ngữ văn	0606	10/01/05	9	9.75	7.5	5.5	**42.75**	THPT Trần Phú	
607	Ngữ văn	0607	15/01/05	7.25	8.5	7.75	1.25		THPT Trần Phú	Điểm liệt
608	Ngữ văn	0608	03/10/05	6.5	8.5	5.75	1.25		THPT Trần Phú	Điểm liệt
609	Ngữ văn	0609	21/02/05	8.75	9.75	7.25	7.5	**48.25**	THPT Trần Phú	
610	Ngữ văn	0610	15/09/05	7.25	9.5	7	2		THPT Trần Phú	Điểm liệt
611	Ngữ văn	0611	12/10/05	8	7.75	6.5	5.25	**38**	THPT Trần Phú	
612	Ngữ văn	0612	18/06/05	8.75	7	6	4	**33.75**	THPT Trần Phú	
613	Ngữ văn	0613	12/08/05	8	8.75	6	3	**31.75**	THPT Trần Phú	
614	Ngữ văn	0614	25/11/05	8.75	7.75	4.25	7.5	**43.25**	THPT Trần Phú	
615	Ngữ văn	0615	01/08/05	8.75	9.5	8.25	4.5	**40**	THPT Trần Phú	
616	Ngữ văn	0616	05/01/05	9	8.75	7	5	**39.75**	THPT Trần Phú	
617	Ngữ văn	0617	03/08/05	7.75	8.5	6.25	3.75	**33.75**	THPT Trần Phú	
618	Ngữ văn	0618	21/11/05	7.75	8.75	8.25	4	**36.75**	THPT Trần Phú	
619	Ngữ văn	0619	19/09/05	8.25	9.5	7.5	4.5	**38.75**	THPT Trần Phú	
620	Ngữ văn	0620	28/05/05	8.5	9.25	7.5	5	**40.25**	THPT Trần Phú	
621	Ngữ văn	0621	08/01/05	8.75	9.5	6.25	4.5	**38**	THPT Trần Phú	
622	Ngữ văn	0622	16/05/05	8	9	6.25	5.5	**39.75**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
623	Ngữ văn	0623	02/11/05	7.5	8.75	6.75	5.25	**38.75**	THPT Trần Phú	
624	Ngữ văn	0624	03/03/05	8	9.5	7.25	6	**42.75**	THPT Trần Phú	
625	Ngữ văn	0625	15/02/05	9	8.75	4.5	6.25	**41**	THPT Trần Phú	
626	Ngữ văn	0626	04/01/05	8	7.25	7	5.75	**39.5**	THPT Trần Phú	
627	Ngữ văn	0627	24/08/05	9.25	10	9	8.5	**53.75**	THPT Trần Phú	
628	Ngữ văn	0628	24/12/05	8.5	10	6	5.75	**41.75**	THPT Trần Phú	
629	Ngữ văn	0629	12/01/05	7.75	9	8.5	4.25	**38**	THPT Trần Phú	
630	Ngữ văn	0630	01/11/05	9	9.75	7.5	7.75	**49.5**	THPT Trần Phú	
631	Ngữ văn	0631	16/05/05	8	9	6.5	3.25	**33.25**	THPT Trần Phú	
632	Ngữ văn	0632	30/12/05	7.5	8.25	6.25	2		THPT Trần Phú	Điểm liệt
633	Ngữ văn	0633	09/08/05	8.75	9.5	7	4.75	**39.5**	THPT Trần Phú	
634	Ngữ văn	0634	18/05/05	8.5	8.75	6	2.5	**30.75**	THPT Trần Phú	
635	Ngữ văn	0635	29/08/05	8.25	7	4.25	4	**31.5**	THPT Trần Phú	
636	Ngữ văn	0636	11/04/05	9.25	8.5	8.25	6.75	**46.25**	THPT Trần Phú	
637	Ngữ văn	0637	04/06/05	8.75	9.25	8	3.5	**36.5**	THPT Trần Phú	
638	Ngữ văn	0638	05/07/05	7.25	8.75	6.5	3	**31.5**	THPT Trần Phú	
639	Ngữ văn	0639	20/04/05	7.5	9.25	8.75	2		THPT Trần Phú	Điểm liệt
640	Ngữ văn	0640	27/03/05	7.75	10	7.25	5	**40**	THPT Trần Phú	
641	Ngữ văn	0641	28/01/05	6.5	9	5.5	2.25	**27.75**	THPT Trần Phú	
642	Ngữ văn	0642	03/07/05	6.75	9.75	6.25	0.25		THPT Trần Phú	Điểm liệt
643	Ngữ văn	0643	23/12/05	8	9	5.75	4.25	**35.5**	THPT Trần Phú	
644	Ngữ văn	0644	19/11/05	9.25	9.75	8.5	4.5	**41**	THPT Trần Phú	
645	Ngữ văn	0645	05/05/05	8.25	8.75	6.25	4	**35.25**	THPT Trần Phú	
646	Ngữ văn	0646	01/01/05	8	9.5	7	4.5	**38**	THPT Trần Phú	
647	Ngữ văn	0647	20/07/05	8	10	7.75	4.5	**39.25**	THPT Trần Phú	
648	Ngữ văn	0648	04/06/05	6.5	9.75	7	1.75		THPT Trần Phú	Điểm liệt
649	Ngữ văn	0649	12/11/05	8.25	9.5	7.25	4.75	**39.25**	THPT Trần Phú	
650	Ngữ văn	0650	15/01/05	8.25	8.75	7.5	6.75	**44.75**	THPT Trần Phú	
651	Ngữ văn	0651	17/10/05	8.5	9.75	7.5	4.5	**39.25**	THPT Trần Phú	
652	Ngữ văn	0652	10/01/05	8.25	9.5	6.75	5.25	**40.25**	THPT Trần Phú	
653	Ngữ văn	0653	12/02/05	8.5	9.5	5.75	3	**32.75**	THPT Trần Phú	
654	Ngữ văn	0654	10/01/05	8	9.75	7.75	2.5	**33**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
655	Ngữ văn	0655	05/09/05	8	6.75	6.75	6	**39.5**	THPT Trần Phú	
656	Ngữ văn	0656	14/04/05	8	6.5	5.5	3.75	**31.25**	THPT Trần Phú	
657	Ngữ văn	0657	15/07/05	8.5	10	7.75	1		THPT Trần Phú	Điểm liệt
658	Ngữ văn	0658	04/07/05	8.5	9.5	7.75	4.5	**39.25**	THPT Trần Phú	
659	Ngữ văn	0659	02/01/05	7	6.75	4	4	**29.75**	THPT Trần Phú	
660	Ngữ văn	0660	02/07/05	7.75	7.25	8.75	4.4	**36.95**	THPT Trần Phú	
661	Ngữ văn	0661	03/04/05	8	10	8.75	5.25	**42.5**	THPT Trần Phú	
662	Ngữ văn	0662	04/11/05	8.5	10	8	4.5	**40**	THPT Trần Phú	
663	Ngữ văn	0663	15/07/05	8.5	8.25	6.25	7	**44**	THPT Trần Phú	
664	Ngữ văn	0664	21/07/05	8.25	9	6.25	4	**35.5**	THPT Trần Phú	
665	Ngữ văn	0665	17/02/05	8.25	9.25	8.75	3.5	**36.75**	THPT Trần Phú	
666	Ngữ văn	0666	06/03/05	8.5	9	8.25	3.25	**35.5**	THPT Trần Phú	
667	Ngữ văn	0667	19/07/05	---	---	---	---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
668	Ngữ văn	0668	26/07/05	7.75	7.75	3.75	4.5	**32.75**	THPT Trần Phú	
669	Ngữ văn	0669	21/11/05	8.5	9	4.75	3.5	**32.75**	THPT Trần Phú	
670	Ngữ văn	0670	08/05/05	7.5	9.25	6	3.25	**32.5**	THPT Trần Phú	
671	Ngữ văn	0671	21/03/05	8	9	7	4.5	**37.5**	THPT Trần Phú	
672	Ngữ văn	0672	03/12/05	6.5	10	6.25	3.75	**34**	THPT Trần Phú	
673	Ngữ văn	0673	21/12/05	8.25	8.75	7.5	5.5	**41**	THPT Trần Phú	
674	Ngữ văn	0674	13/06/05	7.25	10	6.5	5.5	**40.25**	THPT Trần Phú	
675	Ngữ văn	0675	16/05/05	7.5	6	6.5	4	**32**	THPT Trần Phú	
676	Ngữ văn	0676	01/04/05	8.5	9.25	7.25	5	**40**	THPT Trần Phú	
677	Ngữ văn	0677	13/03/05	8	7	7	2.5	**29.5**	THPT Trần Phú	
678	Ngữ văn	0678	11/07/05	8	9.5	7.75	4.75	**39.5**	THPT Trần Phú	
679	Ngữ văn	0679	18/10/05	7.75	7.75	7.75	5	**38.25**	THPT Trần Phú	
680	Ngữ văn	0680	09/07/05	8	9.25	6.5	4	**35.75**	THPT Trần Phú	
681	Ngữ văn	0681	23/08/05	8	8.5	8.5	5	**40**	THPT Trần Phú	
682	Ngữ văn	0682	13/10/05	8.25	9.5	5.75	4.5	**37**	THPT Trần Phú	
683	Ngữ văn	0683	06/06/05	7	7.25	6.75	3.75	**32.25**	THPT Trần Phú	
684	Ngữ văn	0684	22/03/05	8	8.75	7	5.5	**40.25**	THPT Trần Phú	
685	Ngữ văn	0685	14/11/05	8	8.5	5.5	7	**43**	THPT Trần Phú	
686	Ngữ văn	0686	03/02/05	8.75	8	8.25	7.25	**46.75**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
687	Ngữ văn	0687	30/01/05	6.5	7.75	5.75	3.5	**30.5**	THPT Trần Phú	
688	Ngữ văn	0688	12/12/05	8	9	8.75	4.25	**38.5**	THPT Trần Phú	
689	Ngữ văn	0689	17/03/05	9	8.25	6	4.75	**37.5**	THPT Trần Phú	
690	Ngữ văn	0690	23/12/05	8.75	9.5	9.5	6	**45.75**	THPT Trần Phú	
691	Ngữ văn	0691	24/02/05	8.25	8.75	7	4.5	**37.5**	THPT Trần Phú	
692	Ngữ văn	0692	18/01/05	8.75	7.5	7	5.75	**40.5**	THPT Trần Phú	
693	Ngữ văn	0693	19/09/05	8.25	9.5	7.75	4.5	**39**	THPT Trần Phú	
694	Ngữ văn	0694	27/12/05	8	5.25	4.5	4	**29.75**	THPT Trần Phú	
695	Ngữ văn	0695	11/08/05	8	7.25	5	3	**29.25**	THPT Trần Phú	
696	Ngữ văn	0696	14/02/05	8.25	7.5	7	4.25	**35.5**	THPT Trần Phú	
697	Ngữ văn	0697	15/01/05	7.5	9.25	7.5	3.25	**34**	THPT Trần Phú	
698	Ngữ văn	0698	20/02/05	8	9.5	7	4.75	**38.75**	THPT Trần Phú	
699	Ngữ văn	0699	01/06/05	7	10	7.75	4.75	**39**	THPT Trần Phú	
700	Ngữ văn	0700	21/08/05	8.5	9.5	8	5.25	**41.75**	THPT Trần Phú	
701	Ngữ văn	0701	25/06/05	8.25	9.5	6	7	**44.75**	THPT Trần Phú	
702	Ngữ văn	0702	14/02/05	8	8.75	5.5	3.75	**33.5**	THPT Trần Phú	
703	Ngữ văn	0703	02/08/05	8.5	9	6	5	**38.5**	THPT Trần Phú	
704	Ngữ văn	0704	01/08/05	9	9.5	7.5	7.5	**48.5**	THPT Trần Phú	
705	Ngữ văn	0705	21/01/05	8	10	8	6.25	**44.75**	THPT Trần Phú	
706	Ngữ văn	0706	19/09/05	8.5	9.25	7.25	6.25	**43.75**	THPT Trần Phú	
707	Ngữ văn	0707	25/03/05	8.5	7.75	7.75	5.5	**40.5**	THPT Trần Phú	
708	Ngữ văn	0708	18/02/05	8	8.75	8	6.75	**45**	THPT Trần Phú	
709	Ngữ văn	0709	13/12/05	7.75	8.25	7	4.75	**37.25**	THPT Trần Phú	
710	Lịch sử	0710	19/02/05	6.5	7.75	6.25	8	**44.5**	THPT Trần Phú	
711	Lịch sử	0711	15/06/05	7.5	9.75	7.75	4.5	**38.5**	THPT Trần Phú	
712	Lịch sử	0712	30/07/05	7.5	7.5	6.25	1.75		THPT Trần Phú	Điểm liệt
713	Lịch sử	0713	30/10/05	7.5	9.75	8.5	6.25	**44.5**	THPT Trần Phú	
714	Lịch sử	0714	30/06/05	5	9.25	6.25	4.75	**34.75**	THPT Trần Phú	
715	Lịch sử	0715	13/10/05	6.25	8	7	3.5	**31.75**	THPT Trần Phú	
716	Lịch sử	0716	03/05/05	8.75	8.75	6.75	3.25	**34**	THPT Trần Phú	
717	Lịch sử	0717	15/12/05	7	4.5	5	7	**37.5**	THPT Trần Phú	
718	Lịch sử	0718	30/03/05	7.75	9.25	6	6	**41**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
719	Lịch sử	0719	13/12/05	5.5	4.75	6	8.25	**41**	THPT Trần Phú	
720	Lịch sử	0720	10/02/05	8.5	9.75	6.75	8	**49**	THPT Trần Phú	
721	Lịch sử	0721	20/04/05	6.25	6	6.5	5.25	**34.5**	THPT Trần Phú	
722	Lịch sử	0722	11/01/05	9	9.75	8.25	7.75	**50.25**	THPT Trần Phú	
723	Lịch sử	0723	13/09/05	7.25	8	6.5	3.75	**33**	THPT Trần Phú	
724	Lịch sử	0724	25/05/05	7.25	6	3	3.25	**26**	THPT Trần Phú	
725	Lịch sử	0725	30/06/05	8.25	8.75	6	4.25	**35.75**	THPT Trần Phú	
726	Lịch sử	0726	27/08/05	7.25	8.5	5.5	7.25	**43**	THPT Trần Phú	
727	Lịch sử	0727	07/08/05	6.75	7.5	5.25	7	**40.5**	THPT Trần Phú	
728	Lịch sử	0728	21/12/05	8.25	9.25	8.5	6.75	**46.25**	THPT Trần Phú	
729	Lịch sử	0729	06/06/05	7.75	10	6.75	5.25	**40.25**	THPT Trần Phú	
730	Lịch sử	0730	07/04/05	6	6.75	7.25	6.25	**38.75**	THPT Trần Phú	
731	Lịch sử	0731	20/07/05	8	8	7	6.75	**43.25**	THPT Trần Phú	
732	Lịch sử	0732	27/11/05	8	8.75	7.5	3	**33.25**	THPT Trần Phú	
733	Lịch sử	0733	12/08/05	6.5	9.5	9	7.5	**47.5**	THPT Trần Phú	
734	Lịch sử	0734	31/03/05	8	9.5	8	6.5	**45**	THPT Trần Phú	
735	Lịch sử	0735	07/07/05	8.25	6	5.75	3.75	**31.25**	THPT Trần Phú	
736	Lịch sử	0736	04/07/05	5	5.75	3.75	1.75		THPT Trần Phú	Điểm liệt
737	Lịch sử	0737	02/08/05	8	9.75	5.5	6.25	**42**	THPT Trần Phú	
738	Lịch sử	0738	28/08/05	7	9.5	8	3.5	**35**	THPT Trần Phú	
739	Lịch sử	0739	09/01/05	8	10	6	1		THPT Trần Phú	Điểm liệt
740	Lịch sử	0740	16/02/05	8	8.5	6	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
741	Lịch sử	0741	15/01/05	5.25	5	6.25	6.5	**36**	THPT Trần Phú	
742	Địa lý	0742	19/02/05	8	8	6.75	3.75	**34**	THPT Trần Phú	
743	Địa lý	0743	19/07/05	6.5	8.75	6.75	6.25	**40.75**	THPT Trần Phú	
744	Địa lý	0744	18/02/05	7	7.75	6.75	3.75	**32.75**	THPT Trần Phú	
745	Địa lý	0745	16/04/05	8	9.25	7.5	5	**39.75**	THPT Trần Phú	
746	Địa lý	0746	02/10/05	8.75	10	8.75	4.75	**41.75**	THPT Trần Phú	
747	Địa lý	0747	22/03/05	7.5	10	6.5	5	**39**	THPT Trần Phú	
748	Địa lý	0748	02/08/05	8.5	9	7.25	4.25	**37.5**	THPT Trần Phú	
749	Địa lý	0749	12/08/05	5	7	4	2		THPT Trần Phú	Điểm liệt
750	Địa lý	0750	27/04/05	7.5	8.25	6.25	5	**37**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
751	Địa lý	0751	26/05/05	6.75	7.25	5.5	2.75	**27.75**	THPT Trần Phú	
752	Địa lý	0752	20/06/05	7	9	5.5	5	**36.5**	THPT Trần Phú	
753	Địa lý	0753	14/05/05	7	5	6	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
754	Địa lý	0754	29/04/05	7.5	8.5	7.25	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
755	Địa lý	0755	07/09/05	7.5	9.5	7.25	3.25	**34**	THPT Trần Phú	
756	Địa lý	0756	27/04/05	7.5	5.75	6	4.75	**33.5**	THPT Trần Phú	
757	Địa lý	0757	28/09/05	7.25	7.25	7	5.5	**38**	THPT Trần Phú	
758	Địa lý	0758	01/08/05	7	6.75	6	5	**34.75**	THPT Trần Phú	
759	Địa lý	0759	19/04/05	6	9.5	6.75	2.5	**29.75**	THPT Trần Phú	
760	Địa lý	0760	26/02/05	7.75	5.5	7	5.75	**37.5**	THPT Trần Phú	
761	Địa lý	0761	06/05/05	9	9	7.25	---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
762	Địa lý	0762	03/02/05	8	9.25	6.5	3.75	**35**	THPT Trần Phú	
763	Địa lý	0763	15/11/05	7.75	6	6.25	4.5	**33.5**	THPT Trần Phú	
764	Địa lý	0764	30/05/05	6	8.75	6.75	3.5	**32**	THPT Trần Phú	
765	Địa lý	0765	20/02/05	7	9.75	7	3.5	**34.25**	THPT Trần Phú	
766	Địa lý	0766	27/05/05	7.5	3.75	7	5.75	**35.5**	THPT Trần Phú	
767	Địa lý	0767	29/08/05	6.25	6	6	5.25	**34**	THPT Trần Phú	
768	Địa lý	0768	24/10/05	6.75	10	7.5	4.25	**37**	THPT Trần Phú	
769	Địa lý	0769	15/04/05	6.75	7.75	7	4.25	**34.25**	THPT Trần Phú	
770	Địa lý	0770	18/06/05	7.25	6	5.25	2.5	**26**	THPT Trần Phú	
771	Địa lý	0771	12/08/05	7	7.5	7	2.75	**29.75**	THPT Trần Phú	
772	Địa lý	0772	22/11/05	8	9.25	6.75	7.5	**46.5**	THPT Trần Phú	
773	Địa lý	0773	14/02/05	7.25	7.75	3.75	5.5	**35.25**	THPT Trần Phú	
774	Địa lý	0774	26/12/05	7	8.75	5	4.75	**35**	THPT Trần Phú	
775	Địa lý	0775	11/07/05	7.5	8.75	6.75	5.25	**38.75**	THPT Trần Phú	
776	Địa lý	0776	01/05/05	8	7.75	6	4.5	**35.25**	THPT Trần Phú	
777	Địa lý	0777	31/08/05	6.5	8.5	5.75	3	**29.75**	THPT Trần Phú	
778	Địa lý	0778	16/06/05	8.25	6.5	5.75	2.75	**28.75**	THPT Trần Phú	
779	Địa lý	0779	09/12/05	8	9.25	7.25	5	**39.5**	THPT Trần Phú	
780	Địa lý	0780	19/09/05	7.5	8.5	8	4.5	**37.5**	THPT Trần Phú	
781	Địa lý	0781	12/08/05	6	5.5	6.75	2.75	**26.5**	THPT Trần Phú	
782	Địa lý	0782	31/08/05	9	9	8.25	4.5	**39.75**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
783	Địa lý	0783	24/01/05	6.75	9	5.75	'---		THPT Trần Phú	Điểm liệt
784	Tiếng Anh	0784	12/01/05	8.5	9.75	8.75	6.3	**45.9**	THPT Trần Phú	
785	Tiếng Anh	0785	31/01/05	8.5	9.25	7.5	1.55		THPT Trần Phú	Điểm liệt
786	Tiếng Anh	0786	29/10/05	7	7.5	6	2.8	**28.9**	THPT Trần Phú	
787	Tiếng Anh	0787	15/11/05	8.5	9.25	6.75	3.45	**34.85**	THPT Trần Phú	
788	Tiếng Anh	0788	22/10/05	8.25	10	8.25	6.25	**45.25**	THPT Trần Phú	
789	Tiếng Anh	0789	28/02/05	6.75	9	7.25	1.3		THPT Trần Phú	Điểm liệt
790	Tiếng Anh	0790	19/01/05	8	9.25	7.75	3.9	**36.7**	THPT Trần Phú	
791	Tiếng Anh	0791	07/12/05	8	10	6.75	4.75	**39**	THPT Trần Phú	
792	Tiếng Anh	0792	20/05/05	7.75	9.5	6.25	3.1	**32.8**	THPT Trần Phú	
793	Tiếng Anh	0793	31/07/05	8	10	7.75	2.55	**33.4**	THPT Trần Phú	
794	Tiếng Anh	0794	09/08/05	7	9	6.75	3.45	**33.1**	THPT Trần Phú	
795	Tiếng Anh	0795	16/08/05	8.5	10	7.5	2.95	**34.85**	THPT Trần Phú	
796	Tiếng Anh	0796	13/03/05	8	10	8.25	5	**41.25**	THPT Trần Phú	
797	Tiếng Anh	0797	07/03/05	8.25	10	9.5	6.5	**47.25**	THPT Trần Phú	
798	Tiếng Anh	0798	31/01/05	8.25	9.25	8.25	1.7		THPT Trần Phú	Điểm liệt
799	Tiếng Anh	0799	09/02/05	8.25	10	9.25	6.15	**45.95**	THPT Trần Phú	
800	Tiếng Anh	0800	03/03/05	7.75	9.25	6	2.65	**30.95**	THPT Trần Phú	
801	Tiếng Anh	0801	19/07/05	8	9.75	7.5	2.35	**32.3**	THPT Trần Phú	
802	Tiếng Anh	0802	24/02/05	9	9.5	9.5	3.2	**37.6**	THPT Trần Phú	
803	Tiếng Anh	0803	05/08/05	7.25	8.75	6.25	1.75		THPT Trần Phú	Điểm liệt
804	Tiếng Anh	0804	14/10/05	6	9.25	8.25	2.95	**32.35**	THPT Trần Phú	
805	Tiếng Anh	0805	29/03/05	8.5	10	8.25	7	**47.75**	THPT Trần Phú	
806	Tiếng Anh	0806	27/04/05	8	9.25	7	4.55	**37.9**	THPT Trần Phú	
807	Tiếng Anh	0807	10/09/05	7.75	10	7	6	**42.75**	THPT Trần Phú	
808	Tiếng Anh	0808	13/02/05	7.5	9.5	8.25	3.6	**36.05**	THPT Trần Phú	
809	Tiếng Anh	0809	05/07/05	7	10	7.25	4.8	**38.65**	THPT Trần Phú	
810	Tiếng Anh	0810	21/01/05	7.5	9.75	10	6.35	**46.3**	THPT Trần Phú	
811	Tiếng Anh	0811	17/11/05	7.75	8.75	6.5	7	**44**	THPT Trần Phú	
812	Tiếng Anh	0812	22/05/05	7.5	10	8	3.4	**35.7**	THPT Trần Phú	
813	Tiếng Anh	0813	17/02/05	7.75	10	9.25	4.1	**39.3**	THPT Trần Phú	
814	Tiếng Anh	0814	19/07/05	8	9.75	9	5.7	**43.85**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
815	Tiếng Anh	0815	15/03/05	7.75	9.25	7.75	2.95	**33.6**	THPT Trần Phú	
816	Tiếng Anh	0816	05/08/05	7.5	9.75	7.5	6.7	**44.85**	THPT Trần Phú	
817	Tiếng Anh	0817	30/04/05	7.5	9.75	8.25	3.15	**34.95**	THPT Trần Phú	
818	Tiếng Anh	0818	31/10/05	8	10	6.75	5.2	**40.35**	THPT Trần Phú	
819	Tiếng Anh	0819	14/09/05	8	9	6.75	3.85	**35.3**	THPT Trần Phú	
820	Tiếng Anh	0820	13/03/05	7.5	9.5	7	3.65	**34.95**	THPT Trần Phú	
821	Tiếng Anh	0821	04/03/05	8	9.25	6.75	4.9	**38.7**	THPT Trần Phú	
822	Tiếng Anh	0822	13/08/05	---	---	---	---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
823	Tiếng Anh	0823	11/03/05	8	9.25	6.75	3.95	**35.85**	THPT Trần Phú	
824	Tiếng Anh	0824	09/10/05	8.25	9.75	8.25	4.45	**39.6**	THPT Trần Phú	
825	Tiếng Anh	0825	30/03/05	6	8.25	7	1.4		THPT Trần Phú	Điểm liệt
826	Tiếng Anh	0826	14/05/05	7.25	9.5	9	5.05	**40.9**	THPT Trần Phú	
827	Tiếng Anh	0827	06/07/05	7.5	9.25	7.25	4.75	**38.25**	THPT Trần Phú	
828	Tiếng Anh	0828	02/12/05	7.25	9	8.5	1.8		THPT Trần Phú	Điểm liệt
829	Tiếng Anh	0829	01/10/05	6	10	5.75	4.4	**34.95**	THPT Trần Phú	
830	Tiếng Anh	0830	06/03/05	6	9.25	5	4.9	**34.95**	THPT Trần Phú	
831	Tiếng Anh	0831	05/08/05	4.75	9	6.75	3.85	**32.05**	THPT Trần Phú	
832	Tiếng Anh	0832	10/06/05	8.5	10	8.75	6.55	**46.9**	THPT Trần Phú	
833	Tiếng Anh	0833	09/11/05	8.5	9.75	8	4.8	**40.65**	THPT Trần Phú	
834	Tiếng Anh	0834	11/04/05	7.25	10	10	8.75	**53.5**	THPT Trần Phú	
835	Tiếng Anh	0835	21/11/05	6.75	9.5	7.25	2.7	**31.6**	THPT Trần Phú	
836	Tiếng Anh	0836	09/12/05	7.75	10	7.25	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
837	Tiếng Anh	0837	15/02/05	9	10	8.75	7.55	**50.4**	THPT Trần Phú	
838	Tiếng Anh	0838	18/04/05	7.75	10	6	3.45	**34.1**	THPT Trần Phú	
839	Tiếng Anh	0839	14/05/05	7.5	10	8.5	6.3	**44.9**	THPT Trần Phú	
840	Tiếng Anh	0840	23/06/05	8	9.5	7.25	5.35	**40.8**	THPT Trần Phú	
841	Tiếng Anh	0841	05/09/05	7.75	9.25	6.75	2.85	**32.3**	THPT Trần Phú	
842	Tiếng Anh	0842	27/09/05	7.5	10	7.25	3.65	**35.7**	THPT Trần Phú	
843	Tiếng Anh	0843	09/06/05	7	9.5	7.75	2.55	**31.9**	THPT Trần Phú	
844	Tiếng Anh	0844	26/10/05	7.75	9.5	7.25	3.75	**35.75**	THPT Trần Phú	
845	Tiếng Anh	0845	19/05/05	8	10	8.75	6.1	**45.05**	THPT Trần Phú	
846	Tiếng Anh	0846	18/06/05	6.75	9.75	7.25	6.2	**42.35**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
847	Tiếng Anh	0847	13/02/05	7.75	9.5	7.75	4.6	**38.8**	THPT Trần Phú	
848	Tiếng Anh	0848	04/01/05	7.5	8.75	8.5	4.3	**37.65**	THPT Trần Phú	
849	Tiếng Anh	0849	25/02/05	7.5	10	8	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
850	Tiếng Anh	0850	26/03/05	6	10	10	7.4	**48.2**	THPT Trần Phú	
851	Tiếng Anh	0851	01/03/05	8	10	7.25	4.85	**39.8**	THPT Trần Phú	
852	Tiếng Anh	0852	21/06/05	8	10	9	2.7	**35.1**	THPT Trần Phú	
853	Tiếng Anh	0853	04/07/05	6.5	10	8.75	2.1	**31.55**	THPT Trần Phú	
854	Tiếng Anh	0854	06/06/05	7	9.75	8	6.05	**42.9**	THPT Trần Phú	
855	Tiếng Anh	0855	09/03/05	8.5	9.75	8.5	6.3	**45.65**	THPT Trần Phú	
856	Tiếng Anh	0856	05/09/05	7.5	9.75	7.5	5.45	**41.1**	THPT Trần Phú	
857	Tiếng Anh	0857	20/08/05	8.5	9.5	8.25	5.4	**42.45**	THPT Trần Phú	
858	Tiếng Anh	0858	28/03/05	7	9.75	6	3.4	**32.95**	THPT Trần Phú	
859	Tiếng Anh	0859	26/10/05	7.75	10	9.25	6.7	**47.1**	THPT Trần Phú	
860	Tiếng Anh	0860	01/04/05	7.25	10	8.75	7	**47**	THPT Trần Phú	
861	Tiếng Anh	0861	26/01/05	6.25	10	8	4.4	**37.45**	THPT Trần Phú	
862	Tiếng Anh	0862	04/07/05	9	10	7.75	5.1	**42.05**	THPT Trần Phú	
863	Tiếng Anh	0863	08/06/05	8	9.5	10	7.5	**50**	THPT Trần Phú	
864	Tiếng Anh	0864	07/06/05	7.5	9.5	9.5	6.95	**47.35**	THPT Trần Phú	
865	Tiếng Anh	0865	14/08/05	8	9.5	6	5.4	**39.7**	THPT Trần Phú	
866	Tiếng Anh	0866	01/04/05	6.5	10	7.25	3.6	**34.55**	THPT Trần Phú	
867	Tiếng Anh	0867	24/05/05	6	10	6.25	4.35	**35.3**	THPT Trần Phú	
868	Tiếng Anh	0868	02/04/05	5.25	9.5	7.5	5.35	**38.3**	THPT Trần Phú	
869	Tiếng Anh	0869	08/07/05	7.25	9.5	7	4.4	**36.95**	THPT Trần Phú	
870	Tiếng Anh	0870	28/02/05	7.25	9.25	5.75	2.3	**29.15**	THPT Trần Phú	
871	Tiếng Anh	0871	02/04/05	7.5	10	7.75	7.15	**46.7**	THPT Trần Phú	
872	Tiếng Anh	0872	15/07/05	9.25	10	7.5	3	**35.75**	THPT Trần Phú	
873	Tiếng Anh	0873	01/08/05	7.75	9.75	9.25	2.95	**35.6**	THPT Trần Phú	
874	Tiếng Anh	0874	25/06/05	8	8.5	8	0.95		THPT Trần Phú	Điểm liệt
875	Tiếng Anh	0875	20/05/05	8	10	9.75	6.45	**47.1**	THPT Trần Phú	
876	Tiếng Anh	0876	20/02/05	7.25	9.5	7.25	5	**39**	THPT Trần Phú	
877	Tiếng Anh	0877	28/10/05	7.5	10	7.25	4.4	**37.95**	THPT Trần Phú	
878	Tiếng Anh	0878	05/04/05	7	9.75	5.25	6.55	**41.65**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
879	Tiếng Anh	0879	30/11/05	7	9.5	7.75	4.25	**37**	THPT Trần Phú	
880	Tiếng Anh	0880	10/05/05	7.5	9	8.25	4.95	**39.6**	THPT Trần Phú	
881	Tiếng Anh	0881	16/08/05	7.5	10	9	4.9	**41.2**	THPT Trần Phú	
882	Tiếng Anh	0882	22/11/05	6.5	9.5	6.25	2.4	**29.45**	THPT Trần Phú	
883	Tiếng Anh	0883	01/12/05	7.25	9.25	7.25	1.3		THPT Trần Phú	Điểm liệt
884	Tiếng Anh	0884	30/10/05	8.5	8.75	6.5	4.25	**36.5**	THPT Trần Phú	
885	Tiếng Anh	0885	17/11/05	6.75	9.5	7	2.2	**29.85**	THPT Trần Phú	
886	Tiếng Anh	0886	08/07/05	7.75	9.75	7.5	4.8	**39.4**	THPT Trần Phú	
887	Tiếng Anh	0887	02/07/05	7	9.75	8.5	6.1	**43.55**	THPT Trần Phú	
888	Tiếng Anh	0888	07/04/05	6	10	5	4.1	**33.3**	THPT Trần Phú	
889	Tiếng Anh	0889	10/12/05	7.75	9.5	6.75	3.65	**34.95**	THPT Trần Phú	
890	Tiếng Anh	0890	23/01/05	8.25	9.75	8.75	4.5	**40.25**	THPT Trần Phú	
891	Tiếng Anh	0891	20/09/05	8.25	9.75	8.5	6.55	**46.15**	THPT Trần Phú	
892	Tiếng Anh	0892	16/02/05	8	10	7.5	1.65		THPT Trần Phú	Điểm liệt
893	Tiếng Anh	0893	03/10/05	8.25	9.75	7	4.3	**37.9**	THPT Trần Phú	
894	Tiếng Anh	0894	10/03/05	8.75	9.25	7	2.95	**33.85**	THPT Trần Phú	
895	Tiếng Anh	0895	27/10/05	7.75	9.75	8.25	3	**34.75**	THPT Trần Phú	
896	Tiếng Anh	0896	21/08/05	7.5	9.75	9.5	4.85	**41.3**	THPT Trần Phú	
897	Tiếng Anh	0897	01/09/05	5	9.5	5	1.7		THPT Trần Phú	Điểm liệt
898	Tiếng Anh	0898	02/06/05	9	10	9.25	5.5	**44.75**	THPT Trần Phú	
899	Tiếng Anh	0899	23/08/05	8	10	6.75	4.45	**38.1**	THPT Trần Phú	
900	Tiếng Anh	0900	03/04/05	8.5	10	9	2.35	**34.55**	THPT Trần Phú	
901	Tiếng Anh	0901	28/05/05	7.75	9.75	9.5	6.45	**46.35**	THPT Trần Phú	
902	Tiếng Anh	0902	13/02/05	6.25	9.75	6	5.45	**38.35**	THPT Trần Phú	
903	Tiếng Anh	0903	10/03/05	7.25	9.25	6.25	1.7		THPT Trần Phú	Điểm liệt
904	Tiếng Anh	0904	29/09/05	7	9	8.75	2.85	**33.3**	THPT Trần Phú	
905	Tiếng Anh	0905	06/02/05	7.75	9.5	6.75	6.95	**44.85**	THPT Trần Phú	
906	Tiếng Anh	0906	19/03/05	8.5	10	9	4.6	**41.3**	THPT Trần Phú	
907	Tiếng Anh	0907	25/09/05	7	9.5	7	3.4	**33.7**	THPT Trần Phú	
908	Tiếng Anh	0908	17/06/05	7.25	9.75	8	3.05	**34.15**	THPT Trần Phú	
909	Tiếng Anh	0909	24/04/05	6.75	9.75	7.75	3.5	**34.75**	THPT Trần Phú	
910	Tiếng Anh	0910	19/03/05	9.5	10	10	8.1	**53.8**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
911	Tiếng Anh	0911	19/08/05	6.75	9	6.75	2.9	**31.2**	THPT Trần Phú	
912	Tiếng Anh	0912	18/01/05	7.75	10	7.5	4.6	**39.05**	THPT Trần Phú	
913	Tiếng Anh	0913	06/08/05	8.5	10	8	4.05	**38.65**	THPT Trần Phú	
914	Tiếng Anh	0914	16/06/05	9	10	9	6.25	**46.75**	THPT Trần Phú	
915	Tiếng Anh	0915	04/01/05	7.75	10	8	6.9	**46.45**	THPT Trần Phú	
916	Tiếng Anh	0916	20/08/05	7	9.75	8.75	2.95	**34.35**	THPT Trần Phú	
917	Tiếng Anh	0917	18/01/05	8	10	9.5	4.1	**39.8**	THPT Trần Phú	
918	Tiếng Anh	0918	19/10/05	8	9.75	9.25	4.05	**39.15**	THPT Trần Phú	
919	Tiếng Anh	0919	19/02/05	7.5	8.5	7.75	2.7	**31.85**	THPT Trần Phú	
920	Tiếng Anh	0920	24/02/05	7.5	9.75	5.5	3.05	**31.9**	THPT Trần Phú	
921	Tiếng Anh	0921	15/04/05	9	10	9.5	8	**52.5**	THPT Trần Phú	
922	Tiếng Anh	0922	28/08/05	7	9.5	7.75	6.05	**42.4**	THPT Trần Phú	
923	Tiếng Anh	0923	04/02/05	6	10	9	4.3	**37.9**	THPT Trần Phú	
924	Tiếng Anh	0924	20/04/05	8.75	9.5	7	2.85	**33.8**	THPT Trần Phú	
925	Tiếng Anh	0925	11/11/05	6	9.75	8.75	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
926	Tiếng Anh	0926	03/03/05	6.25	9.75	9.5	5.85	**43.05**	THPT Trần Phú	
927	Tiếng Anh	0927	10/05/05	8	10	7	6.5	**44.5**	THPT Trần Phú	
928	Tiếng Anh	0928	04/02/05	9	9.75	9	3.6	**38.55**	THPT Trần Phú	
929	Tiếng Anh	0929	22/02/05	8.75	8.75	7	3.8	**35.9**	THPT Trần Phú	
930	Tiếng Anh	0930	26/03/05	8	10	7.75	4.95	**40.6**	THPT Trần Phú	
931	Tiếng Anh	0931	25/05/05	6.5	9.25	7	2		THPT Trần Phú	Điểm liệt
932	Tiếng Anh	0932	31/07/05	7.5	9.5	7.25	1.9		THPT Trần Phú	Điểm liệt
933	Tiếng Anh	0933	26/07/05	8	9.5	7.5	3.25	**34.75**	THPT Trần Phú	
934	Tiếng Anh	0934	25/02/05	7.5	9.75	6.75	3.5	**34.5**	THPT Trần Phú	
935	Tiếng Anh	0935	13/02/05	8.5	9.75	8.5	4.15	**39.2**	THPT Trần Phú	
936	Tiếng Anh	0936	03/05/05	8	10	7	4.8	**39.4**	THPT Trần Phú	
937	Tiếng Anh	0937	08/09/05	7.5	10	6	3.9	**35.2**	THPT Trần Phú	
938	Tiếng Anh	0938	22/10/05	7.75	10	7.75	3.1	**34.8**	THPT Trần Phú	
939	Tiếng Anh	0939	16/08/05	8	9.5	6.25	3.15	**33.2**	THPT Trần Phú	
940	Tiếng Anh	0940	19/10/05	7	9.75	8.5	3.8	**36.65**	THPT Trần Phú	
941	Tiếng Anh	0941	06/12/05	8.25	9.75	7	5.2	**40.6**	THPT Trần Phú	
942	Tiếng Anh	0942	20/08/05	8.5	9.75	7.75	4.3	**38.9**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
943	Tiếng Anh	0943	06/04/05	8.5	10	8	4.55	**40.15**	THPT Trần Phú	
944	Tiếng Anh	0944	30/03/05	8.5	10	7.75	4.4	**39.45**	THPT Trần Phú	
945	Tiếng Anh	0945	14/01/05	7.25	9	5.75	4.65	**35.95**	THPT Trần Phú	
946	Tiếng Anh	0946	08/08/05	8.5	10	9.5	7.05	**49.15**	THPT Trần Phú	
947	Tiếng Anh	0947	25/06/05	7	10	8	2.5	**32.5**	THPT Trần Phú	
948	Tiếng Anh	0948	01/01/05	6	9.5	6.25	3	**30.75**	THPT Trần Phú	
949	Tiếng Anh	0949	11/08/05	7.75	9.75	7.75	4.75	**39.5**	THPT Trần Phú	
950	Tiếng Anh	0950	20/01/05	6.75	10	7.25	3.5	**34.5**	THPT Trần Phú	
951	Tiếng Anh	0951	31/08/05	8.5	10	9.25	3.5	**38.25**	THPT Trần Phú	
952	Tiếng Anh	0952	18/04/05	7.75	10	8.75	3.9	**38.2**	THPT Trần Phú	
953	Tiếng Anh	0953	03/03/05	8	8.5	6.25	3.8	**34.15**	THPT Trần Phú	
954	Tiếng Anh	0954	07/06/05	7	10	9.25	7.65	**49.2**	THPT Trần Phú	
955	Tiếng Anh	0955	26/05/05	7	9	6.75	3.1	**32.05**	THPT Trần Phú	
956	Tiếng Anh	0956	19/09/05	7.5	9.5	8.75	4.6	**39.55**	THPT Trần Phú	
957	Tiếng Anh	0957	16/10/05	7.25	9.5	9.25	5.1	**41.3**	THPT Trần Phú	
958	Tiếng Anh	0958	24/06/05	6.25	9.5	7.25	2.9	**31.7**	THPT Trần Phú	
959	Tiếng Anh	0959	01/04/05	5.5	9.75	8.75	3.95	**35.85**	THPT Trần Phú	
960	Tiếng Anh	0960	20/08/03	6.5	9.5	6.75	7.1	**44.05**	THPT Trần Phú	
961	Tiếng Anh	0961	18/02/05	7.25	10	8.25	5.6	**42.3**	THPT Trần Phú	
962	Tiếng Anh	0962	06/11/05	7	10	7.5	6.65	**44.45**	THPT Trần Phú	
963	Tiếng Anh	0963	11/10/05	8.5	9.75	8.75	4.55	**40.65**	THPT Trần Phú	
964	Tiếng Anh	0964	23/08/05	8.75	9.5	7.75	6.3	**44.9**	THPT Trần Phú	
965	Tiếng Anh	0965	04/01/05	7	10	6.5	4.8	**37.9**	THPT Trần Phú	
966	Tiếng Anh	0966	05/07/05	6	9.75	7.5	2.7	**31.35**	THPT Trần Phú	
967	Tiếng Anh	0967	09/08/05	7.25	8	5.25	0.9		THPT Trần Phú	Điểm liệt
968	Tiếng Anh	0968	05/07/05	8.75	9.5	8.5	5.7	**43.85**	THPT Trần Phú	
969	Tiếng Anh	0969	05/11/05	6.75	9.75	7.25	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
970	Tiếng Anh	0970	20/03/05	8	10	7.75	5.25	**41.5**	THPT Trần Phú	
971	Tiếng Anh	0971	16/10/05	8.5	9.75	7.25	4.45	**38.85**	THPT Trần Phú	
972	Tiếng Anh	0972	25/05/05	8.75	9.75	7	3.85	**37.05**	THPT Trần Phú	
973	Tiếng Anh	0973	02/01/05	6.5	8.25	6.75	6.1	**39.8**	THPT Trần Phú	
974	Tiếng Anh	0974	24/05/05	6.5	9.75	9.5	6.75	**46**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
975	Tiếng Anh	0975	28/06/05	7.75	10	6.5	4.4	**37.45**	THPT Trần Phú	
976	Tiếng Anh	0976	19/04/05	7.5	9.25	9	1.9		THPT Trần Phú	Điểm liệt
977	Tiếng Anh	0977	04/10/05	9	9.25	7.75	2.4	**33.2**	THPT Trần Phú	
978	Tiếng Anh	0978	12/03/05	6.5	9.75	7.5	4.45	**37.1**	THPT Trần Phú	
979	Tiếng Anh	0979	21/02/05	7.25	10	6.25	5	**38.5**	THPT Trần Phú	
980	Tiếng Anh	0980	02/07/05	8.25	10	8.75	4.5	**40.5**	THPT Trần Phú	
981	Tiếng Anh	0981	04/10/05	8.75	10	9.5	6.8	**48.65**	THPT Trần Phú	
982	Tiếng Anh	0982	24/05/05	9	10	7.5	4	**38.5**	THPT Trần Phú	
983	Tiếng Anh	0983	01/02/05	9	9.75	6.75	3.45	**35.85**	THPT Trần Phú	
984	Tiếng Anh	0984	01/01/05	8.75	9.5	9.25	2.1	**33.8**	THPT Trần Phú	
985	Tiếng Anh	0985	19/03/05	8	9.25	7.5	'---		THPT Trần Phú	Bỏ thi
986	Tiếng Anh	0986	05/06/05	7.75	9.5	7.5	2.8	**33.15**	THPT Trần Phú	
987	Tiếng Anh	0987	14/08/05	8	9.25	7	2.05	**30.4**	THPT Trần Phú	
988	Tiếng Anh	0988	08/02/05	5.75	9.75	9.5	3.05	**34.15**	THPT Trần Phú	
989	Tiếng Anh	0989	21/03/05	8.5	9.5	8.75	4.6	**40.55**	THPT Trần Phú	
990	Tiếng Anh	0990	24/11/05	7.25	9.75	7.75	3.9	**36.45**	THPT Trần Phú	
991	Tiếng Anh	0991	16/06/05	8.25	9.75	7.75	4.1	**38.05**	THPT Trần Phú	
992	Tiếng Anh	0992	20/05/05	6	10	8.5	6.45	**43.85**	THPT Trần Phú	
993	Tiếng Anh	0993	17/04/05	8	9.75	4.5	4.75	**36.5**	THPT Trần Phú	
994	Tiếng Anh	0994	16/07/05	8.5	9.75	5.25	2.9	**32.2**	THPT Trần Phú	
995	Tiếng Anh	0995	07/04/05	8.5	9.75	7.5	5.8	**43.15**	THPT Trần Phú	
996	Tiếng Anh	0996	18/06/05	8	9.25	7.75	2.05	**31.15**	THPT Trần Phú	
997	Tiếng Anh	0997	23/05/05	9	9.75	9	7.4	**49.95**	THPT Trần Phú	
998	Tiếng Anh	0998	26/02/05	9	9.75	6	3.25	**34.5**	THPT Trần Phú	
999	Tiếng Anh	0999	25/10/05	7.75	9.75	9.5	3.85	**38.55**	THPT Trần Phú	
1000	Tiếng Anh	1000	27/02/05	7.5	9.5	7.25	4.2	**36.85**	THPT Trần Phú	
1001	Tiếng Anh	1001	13/11/05	8	8.75	10	2.4	**33.95**	THPT Trần Phú	
1002	Tiếng Anh	1002	28/07/05	7.5	9.75	7	4.8	**38.65**	THPT Trần Phú	
1003	Tiếng Anh	1003	04/10/05	7	9	7.25	2.5	**30.75**	THPT Trần Phú	
1004	Tiếng Anh	1004	16/01/05	8.5	9.75	8.75	5.3	**42.9**	THPT Trần Phú	
1005	Tiếng Anh	1005	18/10/05	8.25	9.5	7.5	3.2	**34.85**	THPT Trần Phú	
1006	Tiếng Anh	1006	17/08/05	7	8.25	8.25	3	**32.5**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
1007	Tiếng Anh	1007	03/03/05	7.5	9.5	7	3.45	**34.35**	THPT Trần Phú	
1008	Tiếng Anh	1008	18/05/05	9.5	10	9.5	8.1	**53.3**	THPT Trần Phú	
1009	Tiếng Anh	1009	02/03/05	8	9.75	9.5	5.35	**43.3**	THPT Trần Phú	
1010	Tiếng Anh	1010	11/04/05	6.5	9.25	5.75	2.95	**30.35**	THPT Trần Phú	
1011	Tiếng Anh	1011	12/12/05	7.5	9.75	7	4.7	**38.35**	THPT Trần Phú	
1012	Tiếng Anh	1012	01/01/05	8.75	10	8.5	5.55	**43.9**	THPT Trần Phú	
1013	Tiếng Anh	1013	02/08/05	7	8.5	5.75	3.3	**31.15**	THPT Trần Phú	
1014	Tiếng Anh	1014	11/09/05	6.75	10	8.75	7.1	**46.8**	THPT Trần Phú	
1015	Tiếng Anh	1015	03/11/05	8.25	9.5	7.5	4.65	**39.2**	THPT Trần Phú	
1016	Tiếng Anh	1016	19/02/05	8.5	10	9	4.15	**39.95**	THPT Trần Phú	
1017	Tiếng Anh	1017	07/11/05	8.25	10	6.75	1.85		THPT Trần Phú	Điểm liệt
1018	Tiếng Anh	1018	21/01/05	7.75	10	7.75	5.9	**43.2**	THPT Trần Phú	
1019	Tiếng Anh	1019	15/07/05	8.5	10	9.25	4.45	**41.1**	THPT Trần Phú	
1020	Tiếng Anh	1020	13/10/05	8.25	9.5	9	4.55	**40.4**	THPT Trần Phú	
1021	Tiếng Anh	1021	28/03/05	6	9.75	7.5	2.85	**31.8**	THPT Trần Phú	
1022	Tiếng Anh	1022	24/04/05	7	9.25	6	3.45	**32.6**	THPT Trần Phú	
1023	Tiếng Anh	1023	30/04/05	8.5	9.75	8.5	4.4	**39.95**	THPT Trần Phú	
1024	Tiếng Anh	1024	09/07/05	7.5	10	9	7.9	**50.2**	THPT Trần Phú	
1025	Tiếng Anh	1025	29/05/05	7	10	6.75	2.6	**31.55**	THPT Trần Phú	
1026	Tiếng Anh	1026	20/08/05	8.5	10	8.75	7.45	**49.6**	THPT Trần Phú	
1027	Tiếng Anh	1027	08/11/05	8.25	9.75	7.25	3.35	**35.3**	THPT Trần Phú	
1028	Tiếng Anh	1028	24/07/05	7.5	9.5	6	7.15	**44.45**	THPT Trần Phú	
1029	Tiếng Anh	1029	16/06/05	7	9.5	6.5	4.9	**37.7**	THPT Trần Phú	
1030	Tiếng Anh	1030	12/10/05	8.5	10	8.75	5.35	**43.3**	THPT Trần Phú	
1031	Tiếng Anh	1031	31/05/05	8.25	9.75	8	2.4	**33.2**	THPT Trần Phú	
1032	Tiếng Anh	1032	04/10/05	7.75	9.25	8.5	4.5	**39**	THPT Trần Phú	
1033	Tiếng Anh	1033	02/10/05	8.75	9.5	8.25	4.4	**39.7**	THPT Trần Phú	
1034	Tiếng Anh	1034	16/03/05	6	9	8	1.6		THPT Trần Phú	Điểm liệt
1035	Tiếng Anh	1035	06/12/05	8.25	9.25	6.25	2.15	**30.2**	THPT Trần Phú	
1036	Tiếng Anh	1036	15/11/05	7.25	8.5	6.75	2.3	**29.4**	THPT Trần Phú	
1037	Tiếng Anh	1037	10/05/05	7	9.75	6	2.2	**29.35**	THPT Trần Phú	
1038	Tiếng Anh	1038	01/02/05	6	10	9.25	4.1	**37.55**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
1039	Tiếng Anh	1039	01/05/05	7.25	9.75	8.25	2.3	**32.15**	THPT Trần Phú	
1040	Tiếng Anh	1040	29/01/05	6.5	9.75	8.25	6.65	**44.45**	THPT Trần Phú	
1041	Tiếng Anh	1041	17/04/05	9	10	8	6.9	**47.7**	THPT Trần Phú	
1042	Tiếng Anh	1042	12/11/05	6.75	8.5	4.75	1.65		THPT Trần Phú	Điểm liệt
1043	Tiếng Anh	1043	13/11/05	8.5	9.75	7.75	4.65	**39.95**	THPT Trần Phú	
1044	Tiếng Anh	1044	30/12/05	8	9.75	8	4.05	**37.9**	THPT Trần Phú	
1045	Tiếng Anh	1045	23/07/05	7.5	9.25	7.25	4.65	**37.95**	THPT Trần Phú	
1046	Tiếng Anh	1046	31/03/05	9	10	9.5	5.95	**46.35**	THPT Trần Phú	
1047	Tiếng Anh	1047	04/08/05	8.5	10	8.75	3.4	**37.45**	THPT Trần Phú	
1048	Tiếng Anh	1048	01/10/05	7.5	9.5	6.75	3.85	**35.3**	THPT Trần Phú	
1049	Tiếng Anh	1049	14/06/05	7	10	7.5	3.25	**34.25**	THPT Trần Phú	
1050	Tiếng Anh	1050	04/10/05	7.5	9.25	7.5	3.2	**33.85**	THPT Trần Phú	
1051	Tiếng Anh	1051	20/03/05	8	9.75	8	4.2	**38.35**	THPT Trần Phú	
1052	Tiếng Anh	1052	12/09/05	7.75	10	8.5	5.7	**43.35**	THPT Trần Phú	
1053	Tiếng Anh	1053	28/03/05	7.75	9.75	7.5	5.4	**41.2**	THPT Trần Phú	
1054	Tiếng Anh	1054	27/09/05	7.5	10	6.25	3.7	**34.85**	THPT Trần Phú	
1055	Tiếng Anh	1055	24/10/05	7	9.5	6.5	5.6	**39.8**	THPT Trần Phú	
1056	Tiếng Anh	1056	23/03/05	7.5	9.5	10	5.3	**42.9**	THPT Trần Phú	
1057	Tiếng Anh	1057	13/02/05	7.5	9.75	7.75	7	**46**	THPT Trần Phú	
1058	Tiếng Anh	1058	13/03/05	7	9.5	8	4.1	**36.8**	THPT Trần Phú	
1059	Tiếng Anh	1059	13/08/05	8.5	9.5	9	6.35	**46.05**	THPT Trần Phú	
1060	Tiếng Anh	1060	20/02/05	8.5	10	9.5	8.3	**52.9**	THPT Trần Phú	
1061	Tiếng Anh	1061	01/08/05	8	9.75	6.75	5.7	**41.6**	THPT Trần Phú	
1062	Tiếng Anh	1062	31/03/05	7.5	9.5	7.5	3.1	**33.8**	THPT Trần Phú	
1063	Tiếng Anh	1063	06/09/05	6	9.5	8.5	7.4	**46.2**	THPT Trần Phú	
1064	Tiếng Anh	1064	20/06/05	7.5	8.75	6.5	2.65	**30.7**	THPT Trần Phú	
1065	Tiếng Pháp	1065	28/01/05	8	7.5	7.5	5.58	**39.74**	THPT Trần Phú	
1066	Tiếng Pháp	1066	08/02/05	6.75	9.25	7	7.25	**44.75**	THPT Trần Phú	
1067	Tiếng Pháp	1067	30/05/05	6.75	9.5	8.5	8.38	**49.89**	THPT Trần Phú	
1068	Tiếng Pháp	1068	14/05/05	7.25	9	7.5	7.46	**46.13**	THPT Trần Phú	
1069	Tiếng Pháp	1069	08/03/05	8	8	6.25	4.08	**34.49**	THPT Trần Phú	
1070	Tiếng Pháp	1070	25/05/05	7	5.75	4.25	5	**32**	THPT Trần Phú	

STT	Môn chuyên	Số báo danh	Ngày sinh	Điểm thi				Điểm xét tuyển	Địa điểm thi	Ghi chú
				Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên			
1071	Tiếng Pháp	1071	02/04/05	6	9	6	7.04	**42.12**	THPT Trần Phú	
1072	Tiếng Pháp	1072	08/08/05	7.75	7	6.25	5	**36**	THPT Trần Phú	
1073	Tiếng Pháp	1073	01/02/05	8	7.25	6	5.58	**37.99**	THPT Trần Phú	
1074	Tiếng Pháp	1074	27/10/05	7.75	8.75	5.75	7.54	**44.87**	THPT Trần Phú	
1075	Tiếng Pháp	1075	10/04/05	6.5	7.5	7	6.29	**39.87**	THPT Trần Phú	
1076	Tiếng Nhật	1076	10/09/05	7	10	7	9	**51**	THPT Trần Phú	
1077	Tiếng Nhật	1077	12/09/05	5	9	6.75	6.9	**41.45**	THPT Trần Phú	
1078	Tiếng Nhật	1078	18/10/05	6.25	7.5	6.75	4.3	**33.4**	THPT Trần Phú	
1079	Tiếng Nhật	1079	22/07/05	8	8.5	6.75	6.2	**41.85**	THPT Trần Phú	
1080	Tiếng Nhật	1080	21/03/05	7.75	9.5	7	8.2	**48.85**	THPT Trần Phú	
1081	Tiếng Nhật	1081	31/05/05	8.25	9.5	7.5	6.5	**44.75**	THPT Trần Phú	
1082	Tiếng Nhật	1082	02/09/05	8.5	10	8.5	8.4	**52.2**	THPT Trần Phú	
1083	Tiếng Nhật	1083	03/03/05	7.25	7.5	6.75	3.4	**31.7**	THPT Trần Phú	
1084	Tiếng Nhật	1084	17/07/05	8.5	9.25	7.75	7.8	**48.9**	THPT Trần Phú	
1085	Tiếng Nhật	1085	26/02/05	8	9.25	6.75	6.5	**43.5**	THPT Trần Phú	
1086	Tiếng Nhật	1086	21/01/05	8.25	9.5	6.75	8.1	**48.8**	THPT Trần Phú	
1087	Tiếng Nhật	1087	06/05/05	8.5	9.5	9	6.5	**46.5**	THPT Trần Phú	
1088	Tiếng Nhật	1088	26/02/05	7.75	7.25	8	6.5	**42.5**	THPT Trần Phú	
1089	Tiếng Nhật	1089	03/10/05	7.5	8.5	6.25	5.1	**37.55**	THPT Trần Phú	
1090	Tiếng Nhật	1090	07/05/05	8.25	6.75	4.25	1.9		THPT Trần Phú	Điểm liệt
1091	Tiếng Nhật	1091	28/10/05	6	7.5	8.5	6	**40**	THPT Trần Phú	
1092	Tiếng Nhật	1092	31/10/05	8.5	9.75	7	8.4	**50.45**	THPT Trần Phú	
1093	Tiếng Nhật	1093	28/05/05	7.25	8.75	7.25	5.3	**39.15**	THPT Trần Phú	
1094	Tiếng Nhật	1094	28/09/05	8	9.5	8.25	7	**46.75**	THPT Trần Phú	
1095	Tiếng Nhật	1095	21/09/05	8	9.25	7.25	7.9	**48.2**	THPT Trần Phú	
1096	Tiếng Nhật	1096	22/11/05	8.25	8.5	7.5	6.5	**43.75**	THPT Trần Phú	
1097	Tiếng Nhật	1097	16/03/05	7.25	8	6.75	5.2	**37.6**	THPT Trần Phú	
1098	Tiếng Nhật	1098	19/10/05	8.5	9.5	8.75	8.4	**51.95**	THPT Trần Phú	
1099	Tiếng Nhật	1099	07/01/05	7.5	8.5	6	6.4	**41.2**	THPT Trần Phú	